

Số: 933/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM  
6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 79/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Chính phủ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch và tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, các vấn đề phát sinh, vướng mắc của các bộ, cơ quan, địa phương, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTgCP, các PTTgCP;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ, Cục, TGĐ Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT (2b). NTTL

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

## KẾ HOẠCH

### CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 933/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Đẩy nhanh tiến độ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) để thực thi phương án cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (QĐKD), thủ tục hành chính (TTHC), giấy tờ công dân đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, để các phương án cải cách sớm đi vào cuộc sống, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của các bộ, cơ quan, địa phương và từng cán bộ, công chức trong phục vụ người dân, doanh nghiệp; tăng cường hiệu quả phản ứng chính sách thông qua việc kịp thời xem xét, điều chỉnh quy định, TTHC cho phù hợp.

3. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp của các bộ, cơ quan, viên chức các bộ, ngành, địa phương.

#### II. YÊU CẦU

1. Các bộ, cơ quan, địa phương tập trung nguồn lực, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện và xác định kết quả triển khai Kế hoạch này là một trong các căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách, kiểm soát TTHC của các bộ, cơ quan, địa phương năm 2023.

2. Đồng thời với việc triển khai Kế hoạch này, các bộ, cơ quan, địa phương cần tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách, kiểm soát TTHC, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hóa công tác chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định về kiểm soát TTHC và yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Các bộ, cơ quan, địa phương chủ động tổ chức triển khai Kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan, địa phương liên quan, kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

#### III. NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tập trung thực thi dứt điểm các phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD, TTHC, giấy tờ công dân đã được phê duyệt

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương rà soát, bảo đảm tính tổng thể, kế thừa và liên thông kết quả rà soát văn bản QPPL trong quá trình sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, để tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa 126 TTHC, nhóm TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc trách nhiệm của 16 bộ, cơ quan ngang bộ<sup>1</sup>, 402 QĐKD, nhóm QĐKD thuộc trách nhiệm của 09 bộ, cơ quan ngang bộ<sup>2</sup> và 111 TTHC cần phân cấp thẩm quyền giải quyết thuộc trách nhiệm của 17 bộ, cơ quan ngang bộ<sup>3</sup> đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch.

c) Việc sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch có thể được thực hiện theo hình thức một văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản QPPL và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản QPPL<sup>4</sup>.

2. Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án tổng thể cắt giảm, đơn giản hóa 13 nhóm quy định, TTHC trọng tâm

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án tổng thể cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, TTHC trọng tâm đang là rào cản, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

b) Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch.

3. Rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các nhóm TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 59 nhóm TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên trên 12 lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của 06 bộ theo Quyết định số 1085/QĐ- TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch.

4. Nhóm các nhiệm vụ khác

a) Các bộ, cơ quan, địa phương

- Thực hiện tốt việc đánh giá tác động, thẩm định TTHC tại đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo văn bản QPPL, bảo đảm các TTHC được quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý và với chi phí tuân thủ thấp nhất.

- Công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để đội ngũ cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện. Định kỳ hàng tháng thống kê đầy đủ những TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực hiện TTHC.

Các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc phạm vi quản lý đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thời hạn hoàn thành trong tháng 9 năm 2023.

Các địa phương thực hiện rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thời hạn hoàn thành trong tháng 10 năm 2023.

- Thực hiện việc rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh, để cắt giảm các thông tin phải khai báo khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đối với các phương án vượt thẩm quyền; bảo đảm mục tiêu cắt giảm ít nhất 20% thông tin phải khai báo. Thời hạn hoàn thành trong tháng 9 năm 2023.

- Tổ chức thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về quy định, TTHC; tổ chức kiểm tra, xác minh, làm rõ hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn trong giải quyết TTHC theo phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng và của người dân, doanh nghiệp qua các kênh thông tin khác nhau; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kịp thời chấn chỉnh việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương. Trước mắt, các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung xử lý dứt điểm 396 phản ánh, kiến nghị tại mục IX Nghị quyết số 97/NQ- CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

- Định kỳ hàng tháng công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan, địa phương để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

b) Bộ Tư pháp Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường hơn nữa công tác thẩm định quy định TTHC tại đề nghị, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm chỉ ban hành TTHC thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ thấp nhất.

c) Bộ Tài chính

- Hoàn thiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc ban hành Nghị định Quy định cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu, bảo đảm các nội dung cải cách tại Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; thời hạn hoàn thành trong tháng 8 năm 2023.

- Trình Chính phủ Nghị định quy định thực hiện kết nối và chia sẻ thông tin lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, quá cảnh người và phương tiện theo Cơ chế một cửa quốc gia; thời hạn hoàn thành trong tháng 12 năm 2023.

d) Bộ Nội vụ

- Tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trong đó chú trọng thanh tra việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính tại một số bộ, ngành, địa phương. Đồng thời đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai công tác này tại các bộ, ngành, địa phương bảo đảm thực chất, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan có liên quan thành lập các đoàn kiểm tra cải cách hành chính tại bộ, ngành, địa phương để kịp thời xem xét, chấn chỉnh, xử lý theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này để triển khai thực hiện, bảo đảm chất lượng và tiến độ. Bảo đảm nguồn lực cho công tác cải cách TTHC, chú

trọng trong việc lựa chọn cán bộ, công chức giỏi, đáp ứng yêu cầu công tác ở các cơ quan chuyên môn về làm việc biệt phái hoặc trung tập tại các đơn vị kiểm soát TTHC để thực hiện Kế hoạch này và các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán ngân sách năm 2023 được cấp có thẩm quyền giao; khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

c) Hằng tháng, xây dựng báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này, cùng với tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách, kiểm soát TTHC, gửi Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

### 3. Văn phòng Chính phủ

a) Hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện báo cáo tình hình, kết quả công tác cải cách TTHC, trong đó lồng ghép các nội dung nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, Công điện số 644/CĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; tổ chức triển khai báo cáo này trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ;

b) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc của bộ, cơ quan, địa phương, định kỳ hằng tháng báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

## PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC QUY ĐỊNH KINH DOANH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẦN THỰC THI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT  
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số: 933/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

### A. THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC, GIẤY TỜ CÔNG DÂN

| STT | Tên TTHC/nhóm TTHC   | Văn bản cần sửa đổi, bổ sung  | Thời hạn hoàn thành |
|-----|--|---|---------------------|
| I   | <b>Bộ Công Thương</b>  |   |                     |
| 1.  | Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; Cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; Cấp lại giấy phép dịch vụ nổ mìn thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; Cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương; Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương. | Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 Quy định về quản lý, sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất Vật liệu nổ công nghiệp. | Tháng 9             |
| 2.  | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ; Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AJ; Cấp Giấy chứng nhận  | Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 3 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa.   | Tháng 12            |



|                                 |   |  |         |
|---------------------------------|---|--|---------|
|                                 | xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AK; Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu D; Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu E; Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu S; Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VJ; Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VC; Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu A; Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu B; Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu); Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu Thổ Nhĩ Kỳ (cho hàng hóa xuất khẩu đi Thổ Nhĩ Kỳ); Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Nam Phi); Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu Venezuela; Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu Peru; Cấp giấy xác nhận hàng hóa được gia công, xuất khẩu tại Việt Nam. |  |         |
| 3.                              | Xét tặng Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ <sup>5</sup> .   | Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. | Tháng 9 |
| <b>II Bộ Giao thông vận tải</b> |   |  |         |
| 1.                              | Cấp mới Giấy phép lái xe; Cấp lại Giấy phép lái xe; Đổi Giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp; Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp;  | Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số  | Tháng 9 |

|    |   |   |          |
|----|---|---|----------|
|    | Đổi giấy phép lái xe quân sự do ngành Công an cấp.  | 29/2015/TT- BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. |          |
| 2. | Cấp Giấy phép lái xe quốc tế; Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế.   | Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.  | Tháng 9  |
| 3. | Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng; Đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.                                    | Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.  | Tháng 9  |
| 4. | Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng; Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất; Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.  | Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.   | Tháng 9  |
| 5. | Đổi chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông; Cấp lại chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông.   | Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.   | Tháng 10 |
| 6. | Dự thi lấy Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ hạng tư trở lên, máy trưởng từ hạng ba trở lên đối với các cơ sở dạy | Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái   | Tháng 9  |



|    |   |   |                 |
|----|---|---|-----------------|
|    | <p>nghe trực thuộc Cục Đường thủy nội địa và dự kiểm tra lấy chứng chỉ chuyên môn đặc biệt; Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ hạng tư trở lên, máy trưởng từ hạng ba trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục Đường thủy nội địa và chứng chỉ chuyên môn đặc biệt; Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải; Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải; Cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của cơ sở dạy nghề; Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.</p> | phương tiện thủy nội địa.   |                 |
| 7. | <p>Tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển; Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh; Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài xuất cảnh; Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi; Tàu thuyền nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi; Tàu thuyền nước ngoài quá</p>   | <p>Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.</p> | <p>Tháng 10</p> |

|     |   |   |         |
|-----|---|---|---------|
|     | cảnh; Thủ tục đến cảng đối với tàu biển nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu vận chuyển chất phóng xạ; Tàu thuyền nước ngoài đến cảng để thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, xây dựng công trình biển, khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác về môi trường trong vùng biển Việt Nam. |   |         |
| 8.  | Cấp số thuyền viên; Cấp lại số thuyền viên.   | Thông tư số 23/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.                          | Tháng 9 |
| 9.  | Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải; Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải; Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải; Cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải; Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu đối với hoa tiêu chuyển vùng hoạt động.   | Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải.    | Tháng 9 |
| 10. | Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn; Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện; Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính; Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận   | Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam. | Tháng 9 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     | huân luyện viên chính.  |   |          |
| 11. | Sát hạch, cấp mới Giấy phép lái tàu; Cấp lại Giấy phép lái tàu.   | Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt. | Tháng 9  |
| 12. | Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng nhiều lần.  | Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.  | Tháng 9  |
| 13. | Cấp giấy phép, năng định cho người lái tàu bay; Cấp lại giấy phép, năng định người lái tàu bay; Gia hạn năng định người lái tàu bay.                                | Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.   | Tháng 9  |
| 14. | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.  | Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.  | Tháng 10 |
| 15. | Cấp Giấy phép, năng định nhân viên quản lý hoạt động bay; Gia hạn năng định nhân viên quản lý hoạt động bay; Cấp lại Giấy phép cho nhân viên quản lý hoạt động bay. | Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.   | Tháng 9  |
| 16. | Cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.  | Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên,   | Tháng 9  |

|     |  |  |         |
|-----|--|--|---------|
|     |  | nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.   |         |
| 17. | Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ sĩ quan an ninh tàu, cán bộ an ninh công ty.  | Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải áp dụng Sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển và thủ tục cấp các giấy chứng nhận theo quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.   | Tháng 9 |
| 18. | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.  | Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.   | Tháng 9 |
| 19. | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (do thay đổi nội dung Giấy phép hoặc Giấy phép bị rách, mất, cháy hoặc cũ nát). | Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng | Tháng 9 |

|            |   |  |          |
|------------|---|--|----------|
|            |   | Việt Nam.  |          |
| 20.        | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.  | Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.   | Tháng 12 |
| 21.        | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại; Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại; Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thương hiệu khác đối với các hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không/kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại. | Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.   | Tháng 10 |
| 22.        | Cấp giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không.   | Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.  | Tháng 10 |
| 23.        | Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng nhiều lần.  | Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam. | Tháng 11 |
| <b>III</b> | <b>Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>   |  |          |
| 1.         | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú.  | Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 04 năm 2023 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.   | Tháng 9  |
| 2.         | Xét, cấp học bổng chính sách.   | Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.  | Tháng 9  |
| 3.         | Xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú; Xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân; Thủ tục xét tặng danh  | Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ Quy định về xét tặng  | Tháng 9  |

|                                    |   |   |         |
|------------------------------------|---|---|---------|
|                                    | hiệu Nhà giáo Nhân dân.   | danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú".  |         |
| 4.                                 | Công nhận bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam. | Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.   | Tháng 9 |
| <b>IV Bộ Khoa học và Công nghệ</b> |   |   |         |
| 1.                                 | Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; Cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.                 | <p>- Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20 tháng 02 năm 2013;</p> <p>- Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Thông tư</p> | Tháng 9 |

|    |   |  |         |
|----|---|--|---------|
|    |   | số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20 tháng 02 năm 2013.   |         |
| 2. | Cấp thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp; Cấp lại thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.   | Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc cấp, thu hồi thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN ngày 27 tháng 3 năm 2009, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Thông tư số 04/2012/TT-BKHCN ngày 13 tháng 02 năm 2012. | Tháng 9 |
| 3. | Cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân; Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân.   | Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao.                                     | Tháng 9 |
| 4. | Thủ tục Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài; Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ; Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn | Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.  | Tháng 9 |



|          |  |  |          |
|----------|--|--|----------|
|          | phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.   |  |          |
| <b>V</b> | <b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b>   |  |          |
| 1.       | <p>Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân; Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Đăng ký thành lập công ty cổ phần; Đăng ký thành lập công ty hợp danh; Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp; Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp; Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp; Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh; Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức; Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn</p> | <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.</p> | Tháng 12 |

một thành viên do thừa kế; Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích; Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp; Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác; Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết; Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp; Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp; Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp; Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh); Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh); Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh); Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần; Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu

|    |  |   |          |
|----|--|---|----------|
|    | hạn một thành viên; Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn; Đăng ký thành lập hộ kinh doanh; Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.  |   |          |
| 2. | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài; Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài; Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài; Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài; Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài. | Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư. | Tháng 12 |
| 3. | Nhóm 02 thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Cấp Ban quản lý); Nhóm 02 thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu  | Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.           | Tháng 12 |

tur) (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Cấp Ban Quản lý); Nhóm 02 thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Cấp Ban Quản lý); Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý; Nhóm 02 thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Cấp Ban Quản lý); Nhóm 02 thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Cấp Ban Quản lý); Nhóm 02 thủ tục: Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cấp Ban Quản lý); Nhóm 04 thủ tục: Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế (Cấp Sở Kế hoạch và

|           |  |   |
|-----------|--|---|
|           | Đầu tư và cấp Ban Quản lý); Nhóm 02 thủ tục: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Cấp Ban quản lý); Nhóm 02 thủ tục: Chuyển nhượng dự án đầu tư (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư) và chuyển nhượng dự án đầu tư (Cấp Ban quản lý); Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư); Nhóm 02 thủ tục: Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương (Cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư và cấp Ban Quản lý). |   |
| <b>VI</b> | <b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội</b>  |   |
| 1.        | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội vào cơ sở bảo trợ xã hội; Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em.  | <p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <p>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.</p> |
| 2.        | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia; Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động; Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do bị mất, cháy, hư hỏng; Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.   | <p>- Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chia theo Quyết định số 57/2013/QĐ- TTg ngày 14 tháng 9 năm 2013 của Thủ</p>        |

|    |   |  |         |
|----|---|--|---------|
|    |   | <p>tướng Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 01/2014/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành khoản 3 Điều 54 của Bộ luật lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và Danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.</p>   |         |
| 3. | <p>Đổi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân; Đưa người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại cơ sở cai nghiện ma túy; Chế độ thăm gặp thân nhân đối với học viên tại cơ sở cai nghiện ma túy; Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân; Nghiệm tang của học viên tại cơ sở cai nghiện ma túy.</p> | <p>- Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.</p> <p>- Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người.</p> | Tháng 9 |
| 4. | <p>Hỗ trợ cho người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề; Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo,</p>  | <p>- Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP</p>   | Tháng 9 |

|            |  |  |          |
|------------|--|--|----------|
|            | <p>thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Cấp Thư giới thiệu cho công dân Việt Nam tham gia Chương trình Lao động kết hợp kỳ nghỉ tại Ô-xơ-rây-li-a; Cấp lại Thư giới thiệu cho công dân Việt Nam tham gia Chương trình Lao động kết hợp kỳ nghỉ tại Ô-xơ-rây-li-a.</p> | <p>ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 21/2016/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BNG ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện một số Điều của Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Ô-xơ-rây-li-a về Chương trình Lao động kết hợp kỳ nghỉ.</p>   |          |
| 5.         | <p>Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp; Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp; Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp; Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đi); Giải quyết hỗ trợ học nghề; Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm; Đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.</p>                                    | <p>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 9 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.</p> | Tháng 9  |
| <b>VII</b> | <b>Bộ Ngoại giao</b>   |  |          |
| 1.         | <p>Thủ tục chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong nước; Thủ tục chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Thủ tục chứng nhận xuất trình giấy tờ, tài liệu tại Bộ Ngoại giao.</p>  | <p>- Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Thông tư số 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày</p>  | Tháng 12 |



|    |   |   |          |
|----|---|---|----------|
|    |   | 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.   |          |
| 2. | Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan trong nước; Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Thủ tục cấp công hàm đề nghị cấp thị thực tại các cơ quan trong nước.   | Thông tư 04/2020/TT-BNG ngày 25/9/2020 hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực.   | Tháng 12 |
| 3. | Thủ tục đăng ký công dân Việt Nam tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.   | Thông tư 02/2011/TT-BNG ngày 27/6/2011 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn thủ tục đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài.  | Tháng 9  |
| 4. | Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch tại cơ quan trong nước; Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ở ra nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Thủ tục đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài với nhau hoặc giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Thủ tục đăng ký lại việc kết hôn tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Đăng ký lại việc khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam; Đăng ký khai tử cho công dân Việt Nam chết ở nước ngoài; Đăng ký lại việc khai tử; Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con giữa các công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài với nhau; Đăng ký việc giám hộ giữa công dân | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch.</li> <li>- Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BNG-BTP ngày 30/6/2016 của Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.</li> <li>- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.</li> </ul> | Tháng 12 |

|      |   |   |          |
|------|---|---|----------|
|      | Việt Nam cư trú ở nước ngoài với nhau hoặc giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài; Đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, điều chỉnh hộ tịch; Ghi vào sổ việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài ở nước ngoài; Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài; Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (giám hộ, nhận cha/mẹ, con, nuôi con nuôi, khai tử) tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài <sup>6</sup> . |   |          |
| VIII | Bộ Nội vụ   |   |          |
| 1.   | Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội thể thao quốc gia  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP</li><li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động và quản lý hội.</li></ul> | Tháng 10 |
| IX   | Bộ Quốc phòng   |   |          |
| 1.   | Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ Quân đội đã phục viên, xuất ngũ.  | Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc   | Tháng 10 |

|    |   |  |          |
|----|---|--|----------|
|    |   | phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ.   |          |
| 2. | <p>Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP; Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước; Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước, đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ; Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau đó trở thành người hưởng lương; Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ- TTg , đối tượng lập hồ sơ lần đầu; Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam, bao gồm cả lực lượng mật</p> | <p>- Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.</p> <p>- Khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16 và khoản 2, 3 Điều 17 Thông tư số 202/2013/TT-BQP ngày 07/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn về trình tự, thủ tục xác nhận; tổ chức thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng.</p> | Tháng 10 |

|    |   |   |          |
|----|---|---|----------|
|    | quốc phòng.   |   |          |
| 3. | <p>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, nay bổ sung đối tượng theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg; Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg, đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ; Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ; Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg.</p> | <p>Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.</p> | Tháng 10 |
| 4. | <p>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg, đối tượng cư trú ở địa phương khác; Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa</p>  | <p>Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương.</p>  | Tháng 10 |

|    |   |  |          |
|----|---|--|----------|
|    | phương, bao gồm cả đối tượng đã từ trần.  |  |          |
| 5. | <p>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, có dưới 15 năm cộng tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng; Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, đối với đối tượng đã từ trần do Bộ Quốc phòng giải quyết; Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần)</p> | <p>Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</p> | Tháng 10 |

|    |   |   |          |
|----|---|---|----------|
|    | thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.  |   |          |
| 6. | <p>Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, đối tượng từ trần.</p>   | <p>Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</p> | Tháng 10 |
| 7. | <p>Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh do hỏng mất; Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh do bị thu hồi, người hành nghề không hành nghề trong thời hạn 02 năm liên tục, người hành nghề không cập nhật kiến thức y khoa liên tục trong thời gian 02 năm liên tiếp, người hành nghề không đủ sức khỏe để hành nghề, người hành nghề thuộc một trong các đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 18 của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị thu hồi do có sai sót chuyên môn kỹ thuật gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng người bệnh; Thủ tục xác nhận thực hành khám bệnh, chữa bệnh.</p> | <p>Nghị định số 50/2019/NĐ-CP ngày 07/6/2019 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Quân đội.</p>  | Tháng 10 |

| X  | Bộ Tài chính   |   |
|----|--|---|
| 1. | <p>Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam; Thủ tục đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam; Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.</p>   | <p>- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</p> <p>- Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>Tháng 10</p> |
| 2. | <p>Thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán; Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do thay đổi người đại diện theo pháp luật; Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán do thay đổi Giám đốc; Thủ tục đề nghị chấp thuận hợp nhất, sáp nhập công ty chứng khoán; Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán; Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong trường hợp đã thu hồi.</p>  | <p>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>Tháng 10</p>   |
| 3. | <p>Thủ tục Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với doanh nghiệp có cá nhân chuyển nhượng vốn (không bao gồm chứng khoán) nhưng chưa khai thuế (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng (trừ bất động sản) (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ</p> | <p>Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>Tháng 9</p>   |



|    |  |  |
|----|--|--|
|    | <p>chuyển nhượng vốn (trừ chuyển nhượng chứng khoán) (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng phát sinh tại nước ngoài; Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng vốn (trừ chuyển nhượng chứng khoán) (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng phát sinh tại nước ngoài; Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn khi chuyển nhượng (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Khai thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân; Thủ tục Khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân; Thủ tục Khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân; Thủ tục Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân.</p> |  |
| 4. | <p>Thủ tục Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (thực hiện tại cấp Cục đối với thu nhập phát sinh tại nước ngoài, cấp Chi cục đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam); Thủ tục Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai tại nước ngoài; cá nhân nhận</p>  | <p>Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.</p> <p>Tháng 9</p> |

|    |   |  |         |
|----|---|--|---------|
|    | <p>thừa kế, quà tặng là nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai tại nước ngoài; Thủ tục Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (thực hiện tại cấp Cục đối với thu nhập phát sinh tại nước ngoài, cấp Chi cục đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam); Thủ tục Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (thực hiện tại cấp Cục đối với thu nhập phát sinh tại nước ngoài, cấp Chi cục đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam); Thủ tục Khai quyết toán thuế/ Hoàn thuế (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế; Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản; Thủ tục Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai); Thủ tục Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai tại Việt Nam; cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai tại Việt Nam; Thủ tục Khai thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có tài sản cho thuê; Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện khai thuế TNCN trực tiếp với cơ quan thuế.</p> |  |         |
| 5. | Thủ tục Đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh đối với   | Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài | Tháng 9 |

|   |   |
|---|---|
| <p>cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công nhượng (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp tại cơ quan thuế (thực hiện ở cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh; Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ trường hợp đơn vị trực thuộc) (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị trực thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục); Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế nhưng được hoàn thuế (trừ cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam); các tổ chức không hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ thuế; Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn (sau đây gọi chung là Người điều hành); Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư đầu</p> | <p>chính hướng dẫn về đăng ký thuế.</p> |
|---|---|

|           |  |   |          |
|-----------|--|---|----------|
|           | <p>khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí; Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác)</p> <p>- Đối với đơn vị sau chuyển đổi; Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị trực thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại)</p> <p>- Đối với đơn vị sau chuyển đổi (thực hiện tại cấp Cục, cấp Chi cục).</p> |   |          |
| 6.        | Thủ tục Thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích (thực hiện tại Tổng cục, cấp Cục, cấp Chi cục).  | Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn <sup>7</sup> .   | Tháng 10 |
| <b>XI</b> | <b>Bộ Tài nguyên và Môi trường</b>   |   |          |
| 1.        | Cấp, cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất.  | Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. | Tháng 9  |
| 2.        | Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của  | Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.  | Tháng 9  |

|            |   |   |          |
|------------|---|---|----------|
|            | <p>vợ và chồng. Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thay đổi người đại diện là chủ hộ gia đình. Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thay đổi số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận hoặc địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp. Thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đồng thời với thay đổi thông tin về số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, số định danh cá nhân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp.</p> |   |          |
| 3.         | Thủ tục khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo.   | Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo.   | Tháng 9  |
| 4.         | Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản; Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.  | Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản. | Tháng 9  |
| <b>XII</b> | <b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b>   |   |          |
| 1.         | Cấp giấy phép bưu chính; Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương); Cấp lại giấy phép bưu chính khi  | Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.  | Tháng 10 |

|    |  |   |         |
|----|--|---|---------|
|    | <p>hết hạn (Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương); Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương); Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương); Cấp sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương); Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương); Cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính.</p> |   |         |
| 2. | Công bố về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.  | Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.  | Tháng 9 |
| 3. | Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện.  | Thông tư số 18/2014/TT-BTTTT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thi hành Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ đối với việc cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện. | Tháng 9 |
| 4. | Chỉ định phòng thử nghiệm phục vụ quản lý chất lượng chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.  | Thông tư số 01/2015/TT-BTTTT ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chỉ định phòng thử nghiệm phục vụ quản lý chất lượng chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.  | Tháng 9 |
| 5. | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp   | Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm   | Tháng 9 |

|    |   |   |         |
|----|---|---|---------|
|    | <p>dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.</p>  | <p>2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.</p>   |         |
| 6. | <p>Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư; Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động; Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS); Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá; Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu cố định, đài bờ (không liên lạc với vệ tinh), thiết bị riêng lẻ và các trường hợp không quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 và Điều 21 của Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT; Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử</p> | <p>Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.</p> | Tháng 9 |



|     |  |  |          |
|-----|--|--|----------|
|     | dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vệ tinh trái đất (trừ đài vệ tinh trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển); Cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến điện dẫn đường hàng không.  |  |          |
| 7.  | Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương); Cấp giấy phép thiết lập mạng xã hội trên mạng; Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1; Cấp quyết định phê duyệt nội dung trò chơi điện tử G1; Cấp quyết định phê duyệt nội dung trò chơi điện tử G1; Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4. | Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.  | Tháng 9  |
| 8.  | Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền; Cấp đăng ký thu tín hiệu nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.   | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   | Tháng 10 |
| 9.  | Đăng tải thông tin về các cơ sở đủ điều kiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin.   | Thông tư số 23/2010/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử về năng lực quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.  | Tháng 9  |
| 10. | Cấp giấy phép hoạt động báo chí in; Cấp giấy phép hoạt động báo chí điện tử.   | Thông tư số 48/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, mở chuyên trang của báo điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc | Tháng 9  |

|                        |  |   |         |
|------------------------|--|---|---------|
|                        |  | san.  |         |
| 11.                    | Cấp thẻ nhà báo.   | Thông tư số 49/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo.  | Tháng 9 |
| 12.                    | Cấp chứng chỉ hành nghề biên tập; Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương); Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (Thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương).   | Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.   | Tháng 9 |
| <b>XIII Bộ Tư pháp</b> |  |   |         |
| 1.                     | Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú, người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam) và thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú) và thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam); Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam; Thủ tục Cấp | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.</li> </ul> | Tháng 9 |

|    |  |  |                     |
|----|--|--|---------------------|
|    | Phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam.   |  |                     |
| 2. | <p>Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Thủ tục Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài; Thủ tục Đăng ký kết hôn, Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài; Nhóm thủ tục: Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài; Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài; Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài; Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài; Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài; Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận, cha, mẹ con có yếu tố nước ngoài; Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân; Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài; Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài; Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc; Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài; Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài; Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch); Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài; Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài; Đăng ký khai sinh; Đăng ký kết hôn; Đăng ký nhận cha, mẹ, con; Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ,</p> | <p>Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p> | <p>Tháng<br/>10</p> |

|    |   |  |
|----|---|--|
|    | con; Đăng ký khai tử; Đăng ký khai sinh lưu động; Đăng ký kết hôn lưu động; Đăng ký khai tử lưu động; Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới; Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới; Đăng ký nhận, cha, mẹ con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới; Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới; Đăng ký giám hộ; Đăng ký chấm dứt giám hộ; Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; Đăng ký lại khai sinh; Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân; Đăng ký lại kết hôn; Đăng ký lại khai tử.   |  |
| 3. | Nhóm thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư; Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư; Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư; Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khách quan khác mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi; Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư; Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân; Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư. | Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. |
| 4. | Nhóm thủ tục: Bổ nhiệm công chứng viên; Bổ nhiệm lại công chứng viên; Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước   | - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;<br>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP  |

Tháng  
11

Tháng  
11

|    |   |   |          |
|----|---|---|----------|
|    | ngoài; Đăng ký tập sự hành nghề công chứng; Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng  | ngày 03/2/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.   |          |
| 5. | Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá và thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá.   | Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản. | Tháng 11 |
| 6. | Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên; Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân (đối với trường hợp cá nhân có quốc tịch Việt Nam); Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. | Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.   | Tháng 11 |
| 7. | Cấp giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài; Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài.  | Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại.  | Tháng 11 |
| 8. | Thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án.   | Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.   | Tháng 9  |
| 9. | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản; Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản; Chứng thực hợp đồng,   | Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao  | Tháng 10 |

|            |  |   |          |
|------------|--|---|----------|
|            | giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở; Chứng thực di chúc; Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản; Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở; Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở; Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch. | dịch.   |          |
| 10.        | Thủ tục Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; Thủ tục Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam; thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam cũng hết hiệu lực thi hành theo quy định tại Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</li> </ul> | Tháng 10 |
| <b>XIV</b> | <b>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>   |   |          |
| 1.         | Thủ tục cấp giấy phép kinh   | - Thông tư số 06/2017/TT-   | Tháng    |

|    |   |   |          |
|----|---|---|----------|
|    | <p>doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm; Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế; Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế; Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.</p>      | <p>BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TTBVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> | 10       |
| 2. | <p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận; Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards &amp; snooker; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển; Thủ</p> | <p>Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 04 năm 2019 hướng dẫn Luật Thể dục, Thể thao.</p>   | Tháng 10 |

tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động tập luyện quyền anh; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể



|    |  |   |          |
|----|--|---|----------|
|    | <p>thao tổ chức hoạt động Karatedo; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin.</p> |   |          |
| 3. | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.  | Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục thể thao.                     | Tháng 9  |
| 4. | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.   | Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. | Tháng 10 |
| 5. | Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.  | Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.                                       | Tháng 9  |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
| 6.  | Thủ tục cấp giấy phép mang di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ra nước ngoài; Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. | Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Tháng 10 |
| 7.  | Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật.   | Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.  | Tháng 9  |
| 8.  | Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Cấp phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm); Cấp phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).      | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.   | Tháng 10 |
| 9.  | Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu (thẩm quyền của Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm); Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).  | Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.         | Tháng 9  |
| 10. | Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ; Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành   | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.   | Tháng 10 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     | tráng; Thủ tục cấp phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).   |   |          |
| 11. | Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp); Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp); Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.  | Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, đảm bảo đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, TTHC, giấy tờ công dân.  | Tháng 12 |
| 12. | Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam; Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam; Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. | Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.  | Tháng 9  |
| 13. | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;</li> <li>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo.</li> </ul> | Tháng 10 |
| 14. | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện).  | Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm  | Tháng 9  |

|     |  |   |         |
|-----|--|---|---------|
|     |  | sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  |         |
| 15. | <p>Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện); Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện); Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện); Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện); Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình; Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> | <p>Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> | Tháng 9 |
| 16. | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về  | Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3  | Tháng 9 |

|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
|     | phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện). | năm 2010 quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  |          |
| 17. | Cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; Cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.  | Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. | Tháng 9  |
| 18. | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.                           | Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.   | Tháng 10 |
| 19. | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”; Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.   | Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”  | Tháng 10 |
| 20. | Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật; Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.   | Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.  | Tháng 10 |
| 21. | Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.   | Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa,  | Tháng 9  |

|           |   |  |          |
|-----------|---|--|----------|
|           |   | Thể thao và Du lịch”.  |          |
| 22.       | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm văn hóa, nghệ thuật.   | Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ. | Tháng 9  |
| <b>XV</b> | <b>Bộ Y tế</b>  |  |          |
| 1.        | Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT; Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT; Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT; Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT; Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT; Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 29/2015/TT-BYT; Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế; Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương y.   | Tháng 10 |
| 2.        | Thủ tục đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; Thủ tục đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.   | Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang  | Tháng 10 |

|    |  |  |          |
|----|--|--|----------|
|    |  | thai hộ vì mục đích nhân đạo.  |          |
| 3. | <p>Giám định bệnh nghề nghiệp tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Giám định để thực hiện chế độ hưu trí trước tuổi quy định đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Giám định vượt quá khả năng chuyên môn đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Giám định tai nạn lao động tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Cấp giấy chứng nhận hưởng bảo hiểm xã hội; Giám định tổng hợp đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.</p> | <p>Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</p>  | Tháng 10 |
| 4. | <p>Khám giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh; Khám giám định phúc quyết trong trường hợp đối tượng không đồng ý với kết quả khám giám định lần đầu (của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh); Khám giám định phúc quyết người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học và con đẻ của họ đang hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ ngày 05 tháng 01 năm 2014 theo đề nghị của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế hoặc Cục Người có công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Khám giám định phúc quyết lần cuối trong trường</p>   | <p>Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.</p> | Tháng 11 |

|    |   |  |                 |
|----|---|--|-----------------|
|    | <p>hợp đối tượng không đồng ý với kết quả khám giám định của Hội đồng Giám định y khoa cấp Trung ương; Khám giám định phúc quyết lần cuối đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học và con đẻ của họ đang hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ ngày 05 tháng 01 năm 2014 theo đề nghị của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế hoặc Cục Người có công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Khám giám định y khoa đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Khám giám định y khoa lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật hoặc sinh con dị dạng dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học.</p> |  |                 |
| 5. | <p>Đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”; Đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc Ưu tú”.</p>   | <p>Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định về xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", Thầy thuốc Ưu tú"</p>       | <p>Tháng 10</p> |
| 6. | <p>Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế; Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y</p>   | <p>Thông tư số 11/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, cấp thẻ, miễn nhiệm và</p> | <p>Tháng 9</p>  |



|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
|     | tâm thần thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế.   | thu hồi thẻ giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần.  |          |
| 7.  | Thủ tục cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp; Thủ tục cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.   | Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm với HIV, người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.   | Tháng 9  |
| 8.  | Đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng; Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong trường hợp cơ sở điều trị bị đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong trường hợp cơ sở điều trị đề nghị hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện; Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý. | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.  | Tháng 12 |
| 9.  | Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng; Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng.  | Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20 tháng 01 năm 2010 Quy định việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV. | Tháng 11 |
| 10. | Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ   | Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của  | Tháng 10 |

|                               |  |   |          |
|-------------------------------|--|---|----------|
|                               | thuật mang thai hộ.  | Bộ trưởng Bộ Y tế bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh.  |          |
| 11.                           | Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại nhà; Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh.  | Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quản lý thuốc Methadone.  | Tháng 11 |
| <b>XVI Ngân hàng Nhà nước</b> |  |   |          |
| 1.                            | Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần; Thủ tục cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thủ tục cấp Giấy phép thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam; Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng. | Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. | Tháng 9  |
| 2.                            | Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.  | Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.  | Tháng 9  |
| 3.                            | Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.  | Thông tư số 01/2023/TT-NHNN ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân.   | Tháng 9  |
| 4.                            | Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  | Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý   | Tháng 9  |

|    |  |  |          |
|----|--|--|----------|
|    |  | nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  |          |
| 5. | Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành ngân hàng; Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động; Thủ tục tặng thưởng Huân chương các loại, các hạng; Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thống đốc; Thủ tục tặng thưởng cán bộ có quá trình công hiến; Thủ tục tặng thưởng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam; Thủ tục khen thưởng đột xuất; Thủ tục khen thưởng chuyên đề. | Thông tư số 17/2019/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng.   | Tháng 11 |
| 6. | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng.  | Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.   | Tháng 9  |
| 7. | Thủ tục cấp chứng thư số.  | Thông tư số 10/2020/TT-NHNN ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước. | Tháng 9  |

## **B. THỰC THI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH KINH DOANH**

| <b>STT</b> | <b>Tên QĐKD, TTHC</b> | <b>Văn bản cần sửa đổi, bổ sung</b> | <b>Thời hạn hoàn thành</b> |
|------------|-----------------------|-------------------------------------|----------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Bộ Công an</b>     |                                     |                            |

|    |  |   |         |
|----|--|---|---------|
| 1. | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp trung ương). | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. | Tháng 9 |
| 2. | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh).       | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. | Tháng 9 |
| 3. | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện).      | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. | Tháng 9 |
| 4. | Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp trung ương). | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. | Tháng 9 |
| 5. | Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh).       | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. | Tháng 9 |
| 6. | Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện).      | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. | Tháng 9 |
| 7. | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp trung ương). | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. | Tháng 9 |
| 8. | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực                           | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện  | Tháng 9 |

|     |   |  |          |
|-----|---|--|----------|
|     | hiện tại cấp tỉnh).   | về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.   |          |
| 9.  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện ở cấp huyện).   | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.  | Tháng 9  |
| 10. | YCĐK: quy định người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ phải có hộ khẩu thường trú ít nhất 05 năm tại xã, phường, thị trấn nơi đăng ký địa điểm kinh doanh. | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.  | Tháng 9  |
| 11. | Về chế độ thông tin báo cáo kết quả thực hiện các quy định về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh.  | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.  | Tháng 9  |
| 12. | Về quy định khác để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.  | Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. | Tháng 11 |
| 13. | Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương).  | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.                                | Tháng 10 |
| 14. | Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh).  | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số   | Tháng 10 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     |   | điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.  |          |
| 15. | Phê duyệt Phương án chữa cháy của cơ sở (thực hiện tại cấp tỉnh).   | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |
| 16. | Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (thực hiện tại cấp huyện).  | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |
| 17. | Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên đường sắt (trừ vật liệu nổ công nghiệp) (thực hiện tại cấp tỉnh).  | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |
| 18. | Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên đường sắt (trừ vật liệu nổ công nghiệp) (thực hiện tại cấp huyện). | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |
| 19. | Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương).                       | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |
| 20. | Cấp đổi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại                                    | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một   | Tháng 10 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     | cấp trung ương).  | số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.   |          |
| 21. | Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh).           | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |
| 22. | Cấp đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh).       | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |
| 23. | Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương). | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |
| 24. | Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh).       | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |
| 25. | Điều kiện hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy.                                       | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10 |

| <b>II Bộ Giáo dục và Đào tạo</b> |   |  |         |
|----------------------------------|---|--|---------|
| 1.                               | Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực.                | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 2.                               | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục.   | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 3.                               | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.  | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 4.                               | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 5.                               | Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 6.                               | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 7.                               | Điều kiện thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập; cho phép thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập dân lập, tư thực. | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 8.                               | Điều kiện để trường mẫu giáo,   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP   | Tháng 9 |



|     |   |  |         |
|-----|---|--|---------|
|     | trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục.   | ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.  |         |
| 9.  | Thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục.       | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 10. | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục.  | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 11. | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học.   | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 12. | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại.                                      | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 13. | Điều kiện thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục. | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 14. | Điều kiện để trường tiểu học hoạt động giáo dục.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 15. | Thành lập trường trung học công lập hoặc cho phép thành lập                               | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy  | Tháng 9 |

|     |  |  |         |
|-----|--|--|---------|
|     | trường trung học tư thực (gồm: Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực. | định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   |         |
| 16. | Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thực.                        | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 17. | Cho phép trường trung học hoạt động giáo dục (gồm: Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục.                           | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 18. | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục.  | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 19. | Sáp nhập, chia, tách trường trung học (gồm: Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở.   | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 20. | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông.  | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 21. | Cho phép trường trung học hoạt động giáo dục trở lại (Gồm: Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại.                    | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |

|     |   |  |         |
|-----|---|--|---------|
| 22. | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 23. | Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục.                           | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 24. | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 25. | Điều kiện thành lập trường trung học công lập; cho phép thành lập trường trung học tư thục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 26. | Điều kiện để trường trung học cơ sở, trung học phổ thông hoạt động giáo dục.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 27. | Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 28. | Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập, cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục. | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 29. | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 30. | Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 31. | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 32. | Thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy  | Tháng 9 |

|     |   |   |         |
|-----|---|---|---------|
|     |   | định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.  |         |
| 33. | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.  | Tháng 9 |
| 34. | Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.  | Tháng 9 |
| 35. | Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực. | <p>- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.</p> <p>- Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.</p> | Tháng 9 |
| 36. | Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập).  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.  | Tháng 9 |
| 37. | Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.  | Tháng 9 |
| 38. | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.  | Tháng 9 |
| 39. | Điều kiện tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.  | Tháng 9 |
| 40. | Thành lập trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao (Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương.                                     | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.  | Tháng 9 |
| 41. | Thành lập trường phổ thông dân  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy   | Tháng 9 |

|     |   |  |         |
|-----|---|--|---------|
|     | tộc nội trú.  | định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   |         |
| 42. | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục, gồm: Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục. | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 43. | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 44. | Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 45. | Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 46. | Điều kiện để trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 47. | Điều kiện để trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 48. | Thành lập trường đại học công lập hoặc cho phép thành lập trường đại học tư thục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 49. | Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo.  | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 50. | Thành lập phân hiệu trường đại học công lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |

|     |  |  |         |
|-----|--|--|---------|
| 51. | Cho phép phân hiệu trường đại học hoạt động đào tạo.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 52. | Sáp nhập, chia, tách trường đại học.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 53. | Cho phép trường đại học, phân hiệu trường đại học hoạt động trở lại.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 54. | Điều kiện thành lập trường đại học công lập, cho phép thành lập trường đại học tư thục.                            | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 55. | Điều kiện để trường đại học hoạt động đào tạo.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 56. | Điều kiện thành lập phân hiệu trường đại học công lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục.        | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 57. | Điều kiện để phân hiệu của trường đại học hoạt động đào tạo.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 58. | Thành lập trường cao đẳng sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường cao đẳng sư phạm tư thục.                | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 59. | cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng. | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 60. | Sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng sư phạm.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |

|     |   |  |         |
|-----|---|--|---------|
|     |   | động trong lĩnh vực giáo dục.  |         |
| 61. | Giải thể trường cao đẳng sư phạm.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 62. | Thủ tục thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục.                     | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 63. | Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm.  | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 64. | Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp).                     | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 65. | Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp). | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 66. | Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục.              | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 67. | Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp.                       | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |

|     |   |  |         |
|-----|---|--|---------|
| 68. | Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp.                                | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 69. | cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp.                     | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 70. | Điều kiện thành lập, giải thể trường trung cấp sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực.               | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 71. | Thủ tục thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập hoặc cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tư thực. | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 72. | Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 73. | Điều chỉnh, bổ sung đối tượng, phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 74. | Công nhận tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 75. | Gia hạn giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 76. | Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trở lại.   | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt   | Tháng 9 |



|     |   |  |         |
|-----|---|--|---------|
|     |   | động trong lĩnh vực giáo dục.  |         |
| 77. | cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.                                       | Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 78. | Phê duyệt liên kết giáo dục.  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 79. | Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục.  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 80. | Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết.                             | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 81. | Phê duyệt hoặc điều chỉnh chương trình giáo dục tích hợp.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 82. | Phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.                                      | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 83. | Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.                  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |
| 84. | Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài. | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.   | Tháng 9 |

|     |  |  |         |
|-----|--|--|---------|
| 85. | Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 86. | Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 87. | Điều kiện về đối tượng liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 88. | Yêu cầu, điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm liên kết đào tạo.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 89. | Chế độ báo cáo việc thực hiện liên kết giáo dục theo từng năm học.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 90. | Báo cáo việc thực hiện liên kết đào tạo theo từng năm học.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 91. | Báo cáo đối với liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 92. | Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 93. | Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác  | Tháng 9 |

|      |  |  |         |
|------|--|--|---------|
|      | đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.   | đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.   |         |
| 94.  | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 95.  | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 96.  | Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 97.  | Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 98.  | Sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 99.  | Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 100. | Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ.                         | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. | Tháng 9 |
| 101. | Điều kiện về giáo dục để cấp giấy chứng nhận đầu tư.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác  | Tháng 9 |

|            |   |  |          |
|------------|---|--|----------|
|            |   | đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.   |          |
| 102.       | Điều kiện về vốn đầu tư cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.                 | Tháng 9  |
| 103.       | Điều kiện về cơ sở vật chất đối với đối với cơ sở giáo dục mầm non.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.                 | Tháng 9  |
| 104.       | Điều kiện về cơ sở vật chất đối với đối với cơ sở giáo dục phổ thông.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.                 | Tháng 9  |
| 105.       | Yêu cầu đối với chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.                 | Tháng 9  |
| 106.       | Báo cáo về tình hình phát triển toàn diện của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.  | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.                 | Tháng 9  |
| 107        | Báo cáo về hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.   | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.                 | Tháng 9  |
| <b>III</b> | <b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b>  |  |          |
| 1.         | Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.  | Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. | Tháng 11 |
| 2.         | Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, nhiệm vụ được hỗ trợ.  | Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp,            | Tháng 11 |

|           |   |  |          |
|-----------|---|--|----------|
|           |   | nông thôn.   |          |
| 3.        | Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp.  | Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.   | Tháng 11 |
| <b>IV</b> | <b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b>   |  |          |
| 1.        | Chỉ định tổ chức thử nghiệm lĩnh vực thông tin và truyền thông.   | Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | Tháng 9  |
| <b>V</b>  | <b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>   |  |          |
| 1.        | Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.  | Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.   | Tháng 10 |
| 2.        | Báo cáo tình hình cập nhật, quản lý thông tin về tàu, chủ tàu, thiết bị giám sát tàu cá   | Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.   | Tháng 10 |
| 3.        | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu).  | Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.   | Tháng 10 |
| 4.        | Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực.  | Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.   | Tháng 10 |
| 5.        | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-19:2014/BNNPTNT về Cơ sở nuôi tôm Sú ( <i>Penaeus monodon</i> Fabricus, 1798) và tôm Chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> Boone, 1931) - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. | Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.  | Tháng 12 |

|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
| 6.  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-20:2014/BNNPTNT về cơ sở nuôi cá Tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> Sauvage, 1878) trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. | Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.   | Tháng 12 |
| 7.  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-22:2015/BNNPTNT về cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.   | Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 4 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.   | Tháng 12 |
| 8.  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-26: 2017/BNNPTNT về Cơ sở nuôi cá rô phi ( <i>Oreochromis</i> spp.) trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.                      | Thông tư số 12/2017/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với cơ sở sản xuất giống và nuôi cá rô phi. | Tháng 12 |
| 9.  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-81:2011/BNNPTNT về Cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản giống - Điều kiện vệ sinh thú y.   | Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 9 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y.   | Tháng 10 |
| 10. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-15:2009/BNNPTNT Cơ sở sản xuất giống thủy sản - điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường.   | Thông tư số 82/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.  | Tháng 9  |
| 11. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-80:2011/BNNPTNT Cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm.   | Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.   | Tháng 10 |
| 12. | QCVN 02-14:2009/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: cơ sở sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản - Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường.                                 | Thông tư số 82/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất thủy                   | Tháng 9  |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     |   | sản.  |          |
| 13. | QCVN 01-18:2010/BNNPTNT về Quy trình giám sát rệp sáp vảy ốc đen ( <i>Diaspidiotus perniciosus</i> (comstock)) là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.   | Thông tư số 26/2010/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 9  |
| 14. | QCVN 01-33:2010/BNNPTNT về quy trình giám định bệnh cây hương lúa ( <i>Balansia oryzae-sativa</i> Hashioka) là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.  | Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.                                   | Tháng 9  |
| 15. | QCVN 01-34:2010/BNNPTNT về quy trình giám định tuyến trùng <i>Ditylenchus dipsaci</i> (Kuhn, 1957) Filipjev, 1936 và <i>Ditylenchus dipsaci</i> Thorne, 1945 là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.                                 | Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.                                   | Tháng 9  |
| 16. | QCVN 01-35:2010/BNNPTNT về quy trình giám định tuyến trùng bào nang <i>Globodera pallida</i> (Stone, 1973) Behrens, 1975 và <i>Globodera rostochiensis</i> (Wollenweber, 1923) Behrens, 1975 là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam. | Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.                                   | Tháng 12 |
| 17. | QCVN 01-37:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện sinh vật hại cây thông và cây phi lao.  | Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.                                   | Tháng 12 |
| 18. | QCVN 01-38:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.   | Bãi bỏ QCVN 01-38:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng được ban hành tại Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.  | Tháng 12 |
| 19. | QCVN 01-105:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một cứng đốt (trogo-derma)  | Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp   | Tháng 12 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     | granarium Everts) và một vện thân (Trogoderma inclusum).  | và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.   |          |
| 20. | QCVN 01-106:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một to vôi (Caulophilus oryzae (Gyllenhal)).                                | Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 21. | QCVN 01-107:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định một thóc (Sitophilus granarius Linnaeus).                                   | Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 22. | QCVN 01-108:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống Anstrepha là dịch hại thực vật của Việt Nam.  | Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 23. | QCVN 01-109:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống Bactrocera là dịch hại thực vật của Việt Nam. | Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 24. | QCVN 01-110:2012/BNNPTNT về Quy trình giám định nhóm ruồi đục quả thuộc giống Ceratitis là dịch hại thực vật của Việt Nam.  | Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 25. | QCVN 01-111:2012/BNNPTNT về Quy trình điều tra rệp sáp hại giống cây trồng nhập khẩu và biện pháp xử lý.                    | Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ           | Tháng 12 |



|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     |   | thực vật.   |          |
| 26. | QCVN 01-118:2012/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính gây hại chè.  | Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 27. | QCVN 01-119:2012/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật hại trên cây ăn quả có múi.   | Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 28. | QCVN 01-135:2013/BNNPTNT về quy trình giám định sâu cánh cứng hại khoai tây <i>Leptinotarsa decemlineata</i> (Say).                                   | Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.           | Tháng 12 |
| 29. | QCVN 01-136:2013/BNNPTNT về quy trình giám định một đục hạt lớn <i>Prostephanus</i> (Horn) là dịch hại kiểm dịch thực của Việt Nam.                   | Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.           | Tháng 12 |
| 30. | QCVN 01-139:2013/BNNPTNT về quy trình điều tra, thu thập, xử lý và bảo quản mẫu bệnh virus hại lúa.   | Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.           | Tháng 12 |
| 31. | QCVN 01-159:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh phần đen lúa mì <i>Tilletia indica</i> Mitra là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.        | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.  | Tháng 12 |
| 32. | QCVN 01-161:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh thối loét cà chua <i>Claviabacter michiganensis</i> subsp. <i>Michiganensis</i> (Smith) Davis là | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc                                       | Tháng 12 |

|     |  |  |          |
|-----|--|--|----------|
|     | dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.  | gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.   |          |
| 33. | QCVN 01-162:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bộ trĩ cam <i>Scirtothrips aurantii</i> Faure là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam. | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 34. | QCVN 01-163:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định cây kê đồng <i>Cirsium arvense</i> là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.            | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 35. | QCVN 01-165:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định cỏ ma ký sinh thuộc chi <i>Striga</i> là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.         | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 36. | QCVN 01-166:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại lúa.   | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 37. | QCVN 01-167:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây ngô.   | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 38. | QCVN 01-168:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại trên cây lạc, đậu tương.   | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 39. | QCVN 01-169:2014/BNNPTNT   | Thông tư số 16/2014/TT-  | Tháng    |

|     |   |  |          |
|-----|---|--|----------|
|     | về Phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây rau họ hoa thập tự.  | BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.                        | 12       |
| 40. | QCVN 01-172:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính hại cây hồ tiêu.  | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 41. | QCVN 01-173:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định bệnh khô cành cam quýt <i>Phoma tracheiphila</i> (Pertri) Kantachveli & Gikachvili là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.         | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 42. | QCVN 01-176:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định Một lạc <i>Pachymerus pallidus</i> Olivier là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.   | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 43. | QCVN 01-177:2014/BNNPTNT về Phương pháp điều tra phát hiện sinh vật chính gây hại cây nhãn, cây vải.  | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 44. | QCVN 01-179:2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy trình giám định bệnh rụng lá cao su Nam Mỹ <i>Microcyclus ulei</i> (Henn.) Arx là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam. | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 45. | QCVN 01-180:2014/BNNPTNT về Quy trình giám định tuyến trùng thối thân, rễ cọ dầu, dừa <i>Rhadinaphelenchus cocophilus</i>   | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban   | Tháng 12 |

|     |  |  |          |
|-----|--|--|----------|
|     | (Cobb) Goodey là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam.   | hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.  |          |
| 46. | QCVN 01-181:2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy trình giám định bệnh ung thư khoai tây <i>Synchytrium endobioticum</i> (Schilb.) Percival là dịch hại kiểm dịch thực vật của Việt Nam. | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.           | Tháng 12 |
| 47. | QCVN 01-01:2009/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của thuốc bảo vệ thực vật phòng trừ sâu và nhện hại cây trồng.   | Thông tư số 55/2009/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.  | Tháng 12 |
| 48. | QCVN 01-14:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trị bệnh phòng trừ bệnh bạc lá ( <i>Xanthomonas oryzae</i> ) hại lúa.  | Thông tư số 26/2010/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.  | Tháng 12 |
| 49. | QCVN 01-15:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ bộ xít hại lúa.  | Thông tư số 26/2010/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.  | Tháng 12 |
| 50. | QCVN 01-29:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ rầy hại lúa.   | Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 51. | QCVN 01-30:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ sâu đục thân hại lúa.  | Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |

|     |  |  |          |
|-----|--|--|----------|
| 52. | QCVN 01-31:2010/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ nhện gié ( <i>Steneotarsonemus spinki</i> Smiley) hại lúa.             | Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 53. | QCVN 01-141:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh trưởng đối với cây vải.                                   | Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.           | Tháng 12 |
| 54. | QCVN 01-142:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh trưởng đối với cây lúa.                                   | Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.           | Tháng 12 |
| 55. | QCVN 01-143:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc phòng trừ bệnh Sương mai ( <i>Phytophthora infestans</i> (Mont) de Bary). | Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.           | Tháng 12 |
| 56. | QCVN 01-144:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ cỏ trên đất không trồng trọt.   | Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.           | Tháng 12 |
| 57. | QCVN 01-145:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc trừ cỏ trên đất không trồng trọt.   | Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.           | Tháng 12 |
| 58. | QCVN 01-146:2013/BNNPTNT về Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh thán thư   | Thông tư số 32/2013/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp   | Tháng 12 |

|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
|     | ( <i>Colletotrichum gloesporioides</i> Penz).  | và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.   |          |
| 59. | QCVN 01-160:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh thán thư ( <i>Colletotrichum</i> spp) gây hại cây ớt của các thuốc trừ bệnh.                                 | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 60. | QCVN 01-170:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ dòi đục lá ( <i>Liriomyza sativae</i> Blanchard) hại ớt của các thuốc trừ sâu.                                    | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 61. | QCVN 01-171:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh gỉ sắt ( <i>Puccinia chrysanthemi</i> Roze) hại cây hoa cúc của các thuốc trừ bệnh.                          | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 62. | QCVN 01-174:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh loét ( <i>Xanthomonas campestris</i> pv. <i>citri</i> (Hasse) Dowson) hại cây có múi của các thuốc trừ bệnh. | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 63. | QCVN 01-178:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh nứt thân chảy nhựa do nấm ( <i>Mycosphaerella melonis</i> ) hại cây dưa hấu của các thuốc trừ bệnh.          | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật. | Tháng 12 |
| 64. | QCVN 01-164:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh chết cây con hại cây dưa chuột của các thuốc trừ bệnh.   | Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực Kiểm dịch và                  | Tháng 12 |

|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
|     |  | Bảo vệ thực vật.  |          |
| 65. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-55:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lúa.        | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 12 |
| 66. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-56:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ngô.        | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 12 |
| 67. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-57:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lạc.        | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 12 |
| 68. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01- 58:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu tương. | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9  |
| 69. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-59:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai tây.  | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9  |
| 70. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-60:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai lang. | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9  |
| 71. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-61:2011/BNNPTNT  | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5  | Tháng 9  |

|     |  |   |         |
|-----|--|---|---------|
|     | về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống sắn.  | năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.  |         |
| 72. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01- 62:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu xanh.                | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.   | Tháng 9 |
| 73. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01- 63:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cà chua.                 | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.   | Tháng 9 |
| 74. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-64:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ớt.                       | Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.   | Tháng 9 |
| 75. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-65:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống lúa. | Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17 ngày 10 tháng 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 76. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-66:2011 về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống ngô.         | Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17 ngày 10 tháng 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 77. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-67:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống lạc. | Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17 ngày 10 tháng 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ  | Tháng 9 |



|     |  |   |         |
|-----|--|---|---------|
|     |  | thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.  |         |
| 78. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-68:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống đậu tương. | Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17 ngày 10 tháng 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 79. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-69:2011 về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống khoai tây.         | Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17 ngày 10 tháng 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 80. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-70:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống cà chua.   | Thông tư số 67/2011/TT-BNNPTNT ngày 17 ngày 10 tháng 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 81. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-84:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống bông.                           | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.             | Tháng 9 |
| 82. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-85:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống thuốc lá.                       | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.             | Tháng 9 |
| 83. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-86:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa lily.            | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.             | Tháng 9 |
| 84. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-87:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa                             | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành   | Tháng 9 |

|     |  |   |         |
|-----|--|---|---------|
|     | chuột.   | quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.   |         |
| 85. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-88:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống su hào.                   | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 86. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-89:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cúc.       | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 87. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-90:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa đồng tiền. | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 88. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-91:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa hấu.                  | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 89. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-92:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cải bắp.       | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 90. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-93:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa chuột.     | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 91. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-94:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống su hào.        | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |

|     |   |   |         |
|-----|---|---|---------|
| 92. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-95:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa hồng. | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.           | Tháng 9 |
| 93. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-96:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống ớt.       | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.           | Tháng 9 |
| 94. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-97:2012/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cà rốt.   | Thông tư số 24/2012/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.           | Tháng 9 |
| 95. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-120:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cải bắp.            | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 96. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-121:2013 về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa hấu.         | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 97. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-122:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nho.     | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 98. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-123:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bông.    | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm                  | Tháng 9 |

|      |  |   |         |
|------|--|---|---------|
|      |  | giống cây trồng.  |         |
| 99.  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-124:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống chè.        | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 100. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-125:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống mía.          | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 101. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-128:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nhãn.       | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 102. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-129:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thanh long. | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 103. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-131:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống mía.                   | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 104. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-147:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dâu.                   | Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng. | Tháng 9 |
| 105. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-153:2014/BNNPTNT   | Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 02   | Tháng 9 |

|      |  |   |         |
|------|--|---|---------|
|      | về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống mướp đắng.   | năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực trồng trọt.  |         |
| 106. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-154:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bí ngô.         | Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực trồng trọt.  | Tháng 9 |
| 107. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-155:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cẩm chướng. | Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực trồng trọt.  | Tháng 9 |
| 108. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-156:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống rau dền.        | Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực trồng trọt.  | Tháng 9 |
| 109. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-157:2014/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thu hải đường.  | Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-157:2014/BNNPTNT về về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thu hải đường được ban hành tại Thông tư số 05/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | Tháng 9 |
| 110. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-43:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định bố giống hướng sữa.  | Thông tư số 43/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi.   | Tháng 9 |
| 111. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia  | Thông tư số 43/2011/TT-   | Tháng 9 |

|      |  |   |         |
|------|--|---|---------|
|      | QCVN 01-44:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định bò giống hướng thịt.                   | BNNPTNT ngày 06/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi.  |         |
| 112. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-45:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định vịt giống. | Thông tư số 43/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định Vịt giống.  | Tháng 9 |
| 113. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-46:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm, kiểm định gà giống.  | Thông tư số 43/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định gà giống.   | Tháng 9 |
| 114. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-71:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định cừu giống.  | Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định cừu giống. | Tháng 9 |
| 115. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-72:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định dê giống.   | Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định dê giống.  | Tháng 9 |
| 116. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-73:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định ngan        | Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy  | Tháng 9 |

|           |  |  |          |
|-----------|--|--|----------|
|           | giống.   | chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định ngân giống.  |          |
| 117.      | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-74:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định tầm giống   | Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định tầm giống.  | Tháng 9  |
| 118.      | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-75:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định thỏ giống.  | Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định thỏ giống.  | Tháng 9  |
| 119.      | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-76:2011/BNNPTNT về khảo nghiệm kiểm định trâu giống. | Thông tư số 72/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi bằng tiêu chuẩn Việt Nam về quy trình khảo nghiệm, kiểm định trâu giống. | Tháng 9  |
| <b>VI</b> | <b>Bộ Tài nguyên và Môi trường</b>   |  |          |
| 1.        | Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất.                                   | Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.                        | Tháng 8  |
| 2.        | Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển.  | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi  | Tháng 10 |

|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
|     |  | trường biển và hải đảo.   |          |
| 3.  | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển. | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. | Tháng 10 |
| 4.  | Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển.          | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. | Tháng 10 |
| 5.  | Trả lại Giấy phép nhận chìm.                 | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. | Tháng 10 |
| 6.  | Cấp lại Giấy phép nhận chìm.                 | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. | Tháng 10 |
| 7.  | Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển.              | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. | Tháng 10 |
| 8.  | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển. | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. | Tháng 10 |
| 9.  | Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển.          | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. | Tháng 10 |
| 10. | Trả lại Giấy phép nhận chìm.                 | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. | Tháng 10 |
| 11. | Cấp lại Giấy phép nhận chìm.                 | Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi Tiết thi hành một số   | Tháng 10 |



|            |   |   |          |
|------------|---|---|----------|
|            |   | Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.   |          |
| <b>VII</b> | <b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b>   |   |          |
| 1.         | Cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước.  | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. | Tháng 10 |
| 2.         | Sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước.   | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. | Tháng 10 |
| 3.         | Cấp lại giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước.  | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. | Tháng 10 |
| 4.         | cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.              | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. | Tháng 10 |
| 5.         | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. | Tháng 10 |
| 6.         | Cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.                            | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. | Tháng 10 |
| 7.         | Sửa đổi, bổ sung giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.               | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. | Tháng 10 |
| 8.         | cấp lại giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.                        | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. | Tháng 10 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
| 9.  | Cấp giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.  | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   | Tháng 10 |
| 10. | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.   | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   | Tháng 10 |
| 11. | Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.  | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   | Tháng 10 |
| 12. | Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.   | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   | Tháng 10 |
| 13. | Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.  | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   | Tháng 10 |
| 14. | Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.  | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   | Tháng 10 |
| 15. | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.   | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |
| 16. | Yêu cầu thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh thiết yếu và yêu cầu phải truyền dẫn kênh thiết yếu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet. | Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   | Tháng 10 |

|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
| 17. | Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.  | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |
| 18. | Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.   | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |
| 19. | Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.  | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |
| 20. | Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.  | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |
| 21. | Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia của doanh nghiệp. | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
| 22. | Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ.                              | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.   | Tháng 10 |
| 23. | Có biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin.                  | <p>- Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.</p> <p>- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 150/2018/NĐ-CP).</p> | Tháng 10 |
| 24. | Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được. | <p>- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP.</p>  | Tháng 10 |
| 25. | Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử.                              | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.   | Tháng 10 |
| 26. | Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.   | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về   | Tháng 10 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     |   | quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.   |          |
| 27. | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.  | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |
| 28. | Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.   | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |
| 29. | Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |
| 30. | Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ trong trường hợp cung cấp dịch vụ trên Internet.  | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. | Tháng 10 |
| 31. | Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng.   | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch                                     | Tháng 10 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     |   | vụ internet và thông tin trên mạng.   |          |
| 32. | Có ít nhất 01 nhân sự quản trị trò chơi điện tử.                                      | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.   | Tháng 10 |
| 33. | Báo cáo chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.                                   | Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   | Tháng 9  |
| 34. | Báo cáo nhanh theo tháng hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 1 năm 2016 quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</li> <li>- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT);</li> </ul> | Tháng 10 |
| 35. | Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 1 năm 2016 quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</li> <li>- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép,</li> </ul>   | Tháng 10 |

|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
|     |  | Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.   |          |
| 36. | Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá. | Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.  | Tháng 9  |
| 37. | Báo cáo hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình.         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 1 năm 2016 quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</li> <li>- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</li> </ul> | Tháng 10 |
| 38. | Báo cáo tình hình hoạt động phát thanh, truyền hình.                         | Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.   | Tháng 9  |
| 39. | Cấp giấy công nhận các tổ chức đủ điều kiện tổ chức thi, chấm                | Quyết định số 18/2008/QĐ-BTTTT của Bộ trưởng Bộ   | Tháng 9  |

|     |  |  |          |
|-----|--|--|----------|
|     | thi vô tuyến điện nghiệp dư.   | Thông tin và Truyền thông về việc ban hành “quy định về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư”.  |          |
| 40. | Cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không phải thực hiện việc phối hợp, đăng ký tần số vô tuyến điện với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU). | Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).   | Tháng 9  |
| 41. | Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.   | Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).   | Tháng 9  |
| 42. | Báo cáo thông tin tổ chức các khóa đào tạo.  | Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.   | Tháng 9  |
| 43. | Báo cáo các thông tin về tình hình cấp, gia hạn Chứng chỉ kỹ thuật viên VTĐ nghiệp dư.   | Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.   | Tháng 9  |
| 44. | Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải công bố hợp quy.  | Bổ sung hình thức thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức các bản giấy thành bản điện tử).   | Tháng 9  |
| 45. | Đăng ký giá cước viễn thông.   | Nghị định số 25/2011/NĐ-CP và bãi bỏ Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT). | Tháng 10 |
| 46. | Thông báo giá cước viễn thông.   | Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và bãi bỏ Thông tư số 02/2007/TT-  | Tháng 10 |



|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
|     |  | BTTTT.  |          |
| 47. | Đăng ký khuyến mại viễn thông.   | Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.  | Tháng 10 |
| 48. | Thông báo khuyến mại viễn thông.   | Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.  | Tháng 10 |
| 49. | Báo cáo tình hình khai thác, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương.   | Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.                                      | Tháng 9  |
| 50. | Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài (đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu, tên gọi, nội dung hoạt động). | Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản. | Tháng 9  |
| 51. | Kết quả hoạt động in (Năm).  | Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT ngày 23/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành thông tin và truyền thông.   | Tháng 9  |
| 52. | Một số kết quả hoạt động của cơ sở/doanh nghiệp phát hành (Báo cáo 6 tháng đầu năm/năm).   | Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT ngày 23/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành thông tin và truyền thông.   | Tháng 9  |
| 53. | Báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông.  | Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT ngày 29 tháng 6 năm  | Tháng 9  |

|     |   |  |         |
|-----|---|--|---------|
|     |   | 2018 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông.                               |         |
| 54. | Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học.  | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử). | Tháng 9 |
| 55. | Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức.   | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử). | Tháng 9 |
| 56. | Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất.                    | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử). | Tháng 9 |
| 57. | Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài. | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử). | Tháng 9 |
| 58. | Cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng.   | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử). | Tháng 9 |
| 59. | Cho phép tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài sửa chữa.   | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử). | Tháng 9 |
| 60. | Cho phép nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó nay  | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử). | Tháng 9 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     | không còn được sản xuất.  |   |          |
| 61. | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.   | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9  |
| 62. | Sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.  | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9  |
| 63. | Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất phần mềm.  | Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.  | Tháng 9  |
| 64. | Báo cáo kết quả tổ chức thi và cấp phát chứng chỉ công nghệ thông tin.  | Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.  | Tháng 9  |
| 65. | Báo cáo thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.  | Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức và cấp chứng chỉ ứng công nghệ thông tin. | Tháng 10 |
| 66. | Cho phép thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.   | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9  |
| 67. | Nhân lực đáp ứng quy mô sản xuất.   | Bổ sung hình thức thực hiện trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).   | Tháng 9  |
| 68. | Phải có phương án, biện pháp bảo đảm quá trình thực hiện hoạt động gia công sửa chữa không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Hàng hóa nhập khẩu không được gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Hàng hóa nhập khẩu chỉ để phục vụ trực tiếp cho hoạt động gia công | Bổ sung hình thức thực hiện trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).   | Tháng 9  |

|     |   |   |         |
|-----|---|---|---------|
|     | của thương nhân, không được phục vụ mục đích bán, biếu, tặng.   |   |         |
| 69. | Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động sửa chữa hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài. | Mẫu hóa và bổ sung phương thức nộp báo cáo trực tuyến.  | Tháng 9 |
| 70. | Nhân lực phù hợp với quy mô hoạt động để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền.   | Cắt bỏ toàn bộ yêu cầu điều kiện nêu trên.  | Tháng 9 |
| 71. | Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.  | Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng. | Tháng 9 |
| 72. | Cấp lại giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.  | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9 |
| 73. | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.   | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9 |
| 74. | Gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.  | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9 |
| 75. | Cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.  | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9 |
| 76. | Cấp giấy chứng nhận tên định danh.  | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9 |
| 77. | Cấp lại giấy chứng nhận tên định danh.  | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy  | Tháng 9 |

|                     |  |   |          |
|---------------------|--|---|----------|
|                     |  | thành bản điện tử).   |          |
| 78.                 | Gia hạn giấy chứng nhận tên định danh.   | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9  |
| 79.                 | Báo cáo định kỳ của thành viên mạng lưới về hoạt động ứng cứu sự cố.   | Thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử (chuyển hình thức bản giấy thành bản điện tử).  | Tháng 9  |
| <b>VIII Bộ Y tế</b> |  |   |          |
| 1.                  | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.   | Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện theo hướng ghép thành một thủ tục đồng thời mẫu đơn để có thể áp dụng cho cả hai chủ thể là: (1) người khuyết tật và (2) đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức). | Tháng 9  |
| 2.                  | Khám giám định đối với trường hợp có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác. | Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện theo hướng ghép thành một thủ tục đồng thời mẫu đơn để có thể áp dụng cho cả hai chủ thể là: (1) người khuyết tật và (2) đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức). | Tháng 10 |
| 3.                  | Khám giám định đối với trường hợp không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định.   | Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện theo hướng ghép thành một thủ tục đồng thời mẫu đơn để có thể áp dụng cho  | Tháng 10 |

|     |  |  |          |
|-----|--|--|----------|
|     |  | cả hai chủ thể là: (1) người khuyết tật và (2) đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức).   |          |
| 4.  | Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh.   | Xây dựng Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.  | Tháng 11 |
| 5.  | Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng.  | Xây dựng Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.  | Tháng 11 |
| 6.  | Phê duyệt chương trình huấn luyện sơ cấp cứu.  | Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hoạt động chữ thập đỏ và Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2014 quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ. | Tháng 11 |
| 7.  | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế, thuộc các bộ, ngành trung ương trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.      | Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2017 quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.  | Tháng 11 |
| 8.  | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.  | Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2017 quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.  | Tháng 11 |
| 9.  | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố. | Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2017 quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.  | Tháng 11 |
| 10. | Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh.   | Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý thuốc Methadone.   | Tháng 11 |
| 11. | Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại  | Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 06 năm 2015 của   | Tháng 11 |

|     |  |  |          |
|-----|--|--|----------|
|     | nhà.   | Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý thuốc Methadone.  |          |
| 12. | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng.  | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.   | Tháng 12 |
| 13. | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý.   | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.   | Tháng 12 |
| 14. | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý.   | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.   | Tháng 12 |
| 15. | Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng.   | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.   | Tháng 12 |
| 16. | Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng. | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.   | Tháng 12 |
| 17. | Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.  | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 155/2018/NĐ-CP). | Tháng 12 |
| 18. | Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất  | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ  | Tháng 12 |

|     |   |  |          |
|-----|---|--|----------|
|     | dạng thuốc phiên khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự.   | quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.  |          |
| 19. | Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất. | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.  | Tháng 12 |
| 20. | Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ.  | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.  | Tháng 12 |
| 21. | Cấp phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm.   | Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. | Tháng 9  |
| 22. | Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II.   | Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.   | Tháng 10 |
| 23. | Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng.  | Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 quy định về hoạt động tiêm chủng.  | Tháng 10 |
| 24. | Điều kiện đối với cơ sở xét nghiệm HIV.   | Nghị định số 75/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện thực hiện xét nghiệm HIV đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.  | Tháng 12 |
| 25. | Điều kiện đối với cơ sở điều trị  | Nghị định số 90/2016/NĐ-CP   | Tháng    |



|     |   |  |          |
|-----|---|--|----------|
|     | thay thế.   | ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP  | 12       |
| 26. | Điều kiện nhập khẩu mẫu máu, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, phân, dịch tiết cơ thể người, các mẫu khác từ người có chứa hoặc có khả năng chứa tác nhân gây bệnh truyền nhiễm cho người; các chủng vi sinh vật, mẫu có chứa vi sinh vật có khả năng gây bệnh cho người nhập khẩu nhằm mục đích dự phòng, nghiên cứu, chẩn đoán, chữa bệnh. | Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. | Tháng 10 |
| 27. | Điều kiện đối với cơ sở xét nghiệm.   | Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.   | Tháng 10 |
| 28. | Cấp chứng chỉ hành nghề được.   | Xây dựng Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.  | Tháng 11 |
| 29. | Cấp lại chứng chỉ hành nghề được.   | Tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.  | Tháng 11 |
| 30. | Công bố cơ sở giáo dục kiểm tra ngôn ngữ trong hành nghề được.  | Tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 và xây dựng Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.  | Tháng 10 |
| 31. | Kiểm tra và công nhận thành thạo ngôn ngữ trong hành nghề được.   | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật được.   | Tháng 10 |
| 32. | Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề được.  | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật được.   | Tháng 10 |
| 33. | Cấp giấy phép nhập khẩu tá được, vỏ nang, bao bì tiếp xúc   | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của  | Tháng 10 |

|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
|     | trực tiếp với thuốc, chất chuẩn.   | Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.  |          |
| 34. | Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc phục vụ cho chương trình y tế của Nhà nước.  | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.  | Tháng 10 |
| 35. | Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (Áp dụng với cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc).   | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.  | Tháng 10 |
| 36. | Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu). | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.  | Tháng 10 |
| 37. | Đề nghị tái xuất thuốc cổ truyền bị thu hồi.   | Thông tư số 13/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng dược liệu, thuốc cổ truyền.  | Tháng 10 |
| 38. | Bổ sung, thay đổi thông tin của thuốc đã kê khai, kê khai lại trong trường hợp có thay đổi so với thông tin đã được công bố nhưng giá thuốc không đổi.   | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP và Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. | Tháng 10 |
| 39. | Cấp giấy xác nhận nội dung   | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP  | Tháng    |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     | quảng cáo thuốc (trừ trường hợp quảng cáo thuốc theo phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện giới thiệu thuốc). | và Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.                            | 10       |
| 40. | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thông qua phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện giới thiệu thuốc.  | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP và Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. | Tháng 10 |
| 41. | Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc.                                    | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP và Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. | Tháng 10 |
| 42. | Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức phát hành tài liệu thông tin thuốc.                           | Nghị định số 54/2017/NĐ-CP và Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. | Tháng 10 |
| 43. | Đăng ký thuốc.  | Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05 tháng 9 năm 2022 quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.  | Tháng 10 |
| 44. | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.           | Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.   | Tháng 11 |
| 45. | Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm.   | Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn   | Tháng 11 |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     |   | trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.   |          |
| 46. | Điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm chế phẩm.  | Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.       | Tháng 11 |
| 47. | Điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm chế phẩm.  | Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.       | Tháng 11 |
| 48. | Điều kiện đối với cơ sở cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm.  | Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.       | Tháng 11 |
| 49. | Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.  | Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01 tháng 9 năm 2013 quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. | Tháng 11 |
| 50. | Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.  | Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01 tháng 9 năm 2013 quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. | Tháng 11 |
| 51. | Kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo | Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01 tháng 9 năm 2013 quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. | Tháng 11 |

|           |   |   |          |
|-----------|---|---|----------|
|           | Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005.  |   |          |
| 52.       | Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.  | Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01 tháng 9 năm 2013 quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.   | Tháng 11 |
| 53.       | Yêu cầu đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.   | Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT  | Tháng 11 |
| <b>IX</b> | <b>Ngân hàng Nhà nước</b>   |   |          |
| 1.        | Báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm của Quỹ bảo toàn; Báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tình hình tài chính năm trước của Quỹ bảo toàn; Báo cáo về kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ của Ban kiểm soát ngân hàng hợp tác xã về tình hình hoạt động và kết quả tài chính của Quỹ bảo toàn. | Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước). | Tháng 12 |
| 2.        | Đăng ký tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh.  | Thông tư số 12/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.   | Tháng 12 |
| 3.        | Báo cáo tình hình chi nhánh, phòng giao dịch, Văn phòng đại diện (VPĐD), đơn vị sự nghiệp ở trong nước; Chi nhánh, VPĐD, ngân hàng 100% vốn ở nước.   | Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.   | Tháng 12 |
| 4.        | Báo cáo tình hình hoạt động ATM.  | Thông tư số 36/2012/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước quy định về trang bị, quản lý  | Tháng 12 |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  | vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của máy giao dịch tự động. |  |
|--|--|--|--|

### C. THỰC THI PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT      | Tên TTHC/nhóm TTHC  | Văn bản cần sửa đổi, bổ sung  | Thời hạn hoàn thành |
|----------|---|---|---------------------|
| <b>I</b> | <b>Bộ Công an</b>   |   |                     |
| 1.       | Xác nhận cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam.   | Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công kiểm soát tự động.  | Tháng 11            |
| 2.       | Cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào cho công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào; Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp tỉnh); trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp huyện).                                    | Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành.   | Tháng 11            |
| 3.       | Cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương); Cấp đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương); Cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương). | - Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;<br>- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số | Tháng 10            |

|    |  |  |          |
|----|--|--|----------|
|    |  | 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.  |          |
| 4. | Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp trung ương); Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp tỉnh); Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp huyện); cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương); Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương); nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương). | Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.  | Tháng 10 |
| 5. | Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp trung ương); Cấp đổi Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp trung ương); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp trung ương); Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh); Cấp đổi Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh).  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.</li> </ul> | Tháng 10 |
| 6. | Cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên (thực hiện tại cấp tỉnh).   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 109/2009/NĐ-CP ngày 01/12/2009 của Chính phủ quy định về tín hiệu của xe được quyền ưu tiên” vào mục “Văn bản cần sửa đổi, bổ sung;</li> <li>- Thông tư liên tịch số</li> </ul>  | Tháng 9  |

|           |  |  |         |
|-----------|--|--|---------|
|           |  | 04/2012/TTLT-BCA-BCT<br>ngày 08 tháng 3 năm 2012 của<br>Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ<br>trưởng Bộ Công Thương quy<br>định về thiết bị phát tín hiệu<br>của xe được quyền ưu tiên.  |         |
| 7.        | Thủ tục cấp giấy phép vận<br>chuyển pháo hoa để kinh doanh<br>tại Cục Cảnh sát quản lý hành<br>chính về trật tự xã hội - Bộ Công<br>an.  | Nghị định số 137/2020/NĐ-CP<br>ngày 27 tháng 11 năm 2020 của<br>Chính phủ về quản lý, sử dụng<br>pháo.   | Tháng 9 |
| 8.        | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ<br>điều kiện về an ninh, trật tự<br>(thực hiện tại cấp trung ương);<br>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều<br>kiện về an ninh, trật tự (thực<br>hiện tại cấp trung ương); Cấp đổi<br>Giấy chứng nhận đủ điều kiện về<br>an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp<br>trung ương); Cấp mới Giấy<br>chứng nhận đủ điều kiện về an<br>ninh, trật tự (thực hiện tại cấp<br>tỉnh); Cấp lại Giấy chứng nhận<br>đủ điều kiện về an ninh, trật tự<br>(thực hiện tại cấp tỉnh); Cấp đổi<br>Giấy chứng nhận đủ điều kiện về<br>an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp<br>tỉnh); Cấp mới Giấy chứng nhận<br>đủ điều kiện về an ninh, trật tự<br>(thực hiện tại cấp huyện); Cấp<br>lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện<br>về an ninh, trật tự (thực hiện ở<br>cấp huyện); Cấp đổi Giấy chứng<br>nhận đủ điều kiện về an ninh,<br>trật tự (thực hiện tại cấp huyện). | Nghị định số 96/2016/NĐ-CP<br>ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy<br>định điều kiện về an ninh, trật<br>tự đối với một số ngành, nghề<br>đầu tư kinh doanh có điều kiện.  | Tháng 9 |
| <b>II</b> | <b>Bộ Công Thương</b>  |  |         |
| 1.        | Đăng ký thương nhân hoạt động<br>thương mại biên giới Việt Nam -<br>Lào.   | Thông tư số 56/2018/TT-BCT<br>ngày 26 tháng 12 năm 2018 của<br>Bộ trưởng Bộ Công Thương<br>hướng dẫn thực hiện một số<br>điều của Hiệp định Thương mại<br>biên giới giữa Chính phủ nước<br>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt<br>Nam và Chính phủ nước Cộng<br>hòa dân chủ nhân dân Lào. | Tháng 9 |



|    |   |   |                 |
|----|---|---|-----------------|
| 2. | <p>Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP); Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP); Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).</p> | <p>Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</p>  | <p>Tháng 10</p> |
| 3. | <p>Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá; Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá; Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá.</p>  | <p>Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.</p> | <p>Tháng 9</p>  |
| 4. | <p>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; Cấp điều chỉnh</p>   | <p>- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử</p>                                     | <p>Tháng 10</p> |

|    |  |  |          |
|----|--|--|----------|
|    | Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương.   | dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;<br>- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.   |          |
| 5. | Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam. | - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;<br>- Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam. | Tháng 10 |
| 6. | Cấp Giấy chứng nhận quy trình Kimberly đối với kim cương thô.  | Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của quy chế chứng nhận quy trình Kimberley.  | Tháng 10 |
| 7. | Cấp mã số nhà sản xuất (MID) hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ.   | Quyết định số 1059/2005/QĐ-BTM ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Bộ Thương mại và Thông tư số 16/2010/TT-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cấp mã số nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.   | Tháng 9  |
| 8. | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành   | Thông tư số 12/2018/TT-BCT   | Tháng 9  |

|     |   |   |          |
|-----|---|---|----------|
|     | tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu; Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu.   | ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.   |          |
| 9.  | Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật; Cấp Giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép; Lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới.  | Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.  | Tháng 10 |
| 10. | Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 MW đặt tại địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương; Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương; Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương mã TTHC: 2.001266; Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực.</li> </ul> | Tháng 10 |

|     |   |  |          |
|-----|---|--|----------|
|     | chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương.  |  |          |
| 11. | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam; Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam; Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam; Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam; Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. | Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương.   | Tháng 10 |
| 12. | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu; Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu; Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu; Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.   | Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.  | Tháng 10 |
| 13. | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.</li> </ul> | Tháng 10 |
| 14. | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm  | - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một  | Tháng 10 |

|                                  |   |  |          |
|----------------------------------|---|--|----------|
|                                  | thuốc lá.   | số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;<br>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. |          |
| 15.                              | Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại.  | Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.   | Tháng 9  |
| <b>III Bộ Giao thông vận tải</b> |   |  |          |
| 1.                               | Chấp thuận cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển; Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải; Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng.  | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.   | Tháng 10 |
| 2.                               | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải; Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải; Cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải; Cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải. | Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải   | Tháng 10 |
| 3.                               | Đổi tên cảng cạn; Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn.  | Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn.   | Tháng 10 |
| 4.                               | Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.   | Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng   | Tháng 10 |
| 5.                               | Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc   | Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của  | Tháng    |

|    |  |  |          |
|----|--|--|----------|
|    | <p>vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát; Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát; Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải; Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu; Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước; Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước; Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.</p> | <p>Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.</p>   | 11       |
| 6. | <p>Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; Công bố hoạt động bến thủy nội địa ; Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa; Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.</p>  | <p>Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p>  | Tháng 12 |
| 7. | <p>Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong Giao thông vận tải.</p>  | <p>Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.</p> | Tháng 9  |

|     |  |   |          |
|-----|--|---|----------|
| 8.  | Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe máy chuyên dùng.   | Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.  | Tháng 9  |
| 9.  | Mở cảng hàng không, sân bay; Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam; Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không. | Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.  | Tháng 10 |
| 10. | Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.   | Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. | Tháng 10 |
| 11. | Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không; Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng.  | Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.  | Tháng 10 |
| 12. | Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hằng hàng không nước ngoài;   | Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung   | Tháng 9  |

|     |  |   |         |
|-----|--|---|---------|
|     | Sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không.   | một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.  |         |
| 13. | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt; Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt; Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.                               | Thông tư số 13/2021/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt; sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt. | Tháng 9 |
| 14. | Cấp giấy phép lái tàu cho các lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam; Cấp giấy phép lái tàu cho lái tàu trên các tuyến đường sắt đang khai thác. | Thông tư số 25/2021/TT-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt; Thông tư số 05/2021/TT-BGTVT ngày 01 tháng 3 năm            | Tháng 9 |



|                                  |  |   |          |
|----------------------------------|--|---|----------|
|                                  |  | 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt.   |          |
| 15.                              | Cấp lại Giấy phép lái tàu.   | Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt. | Tháng 9  |
| 16.                              | Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống). | Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt.  | Tháng 12 |
| <b>IV Bộ Giáo dục và Đào tạo</b> |  |   |          |
| 1.                               | Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; Điều chỉnh, bổ sung đối tượng, phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.                                      | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, trong đó giao Cục Quản lý chất lượng chủ trì, phối hợp với các cục, vụ có liên quan quyết định cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.   | Tháng 10 |
| 2.                               | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở; Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ   | Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo  | Tháng 9  |

|    |   |   |          |
|----|---|---|----------|
|    | thông; Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học.  | dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.   |          |
| 3. | Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên.   | Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo của trung tâm giáo dục thường xuyên. | Tháng 9  |
| 4. | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.  | Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.  | Tháng 10 |
| 5. | Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.  | Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại “cộng đồng học tập” cấp xã.  | Tháng 9  |
| 6. | Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo; Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp. | Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.   | Tháng 10 |
| 7. | Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.  | Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.    | Tháng 9  |
| 8. | Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.   | Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường tiểu học.         | Tháng 9  |

|          |   |  |          |
|----------|---|--|----------|
| 9.       | Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia.  | Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. | Tháng 9  |
| 10.      | Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận; Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. | Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.   | Tháng 10 |
| 11.      | Cử đi học nước ngoài.   | Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó giao Cục Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các cục, vụ có liên quan xem xét, quyết định cử đi học nước ngoài.   | Tháng 9  |
| <b>V</b> | <b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b>   |  |          |
| 1.       | Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu; Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu; Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ  | Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.  | Tháng 11 |

|            |   |   |          |
|------------|---|---|----------|
|            | do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu; Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.  |   |          |
| <b>VI</b>  | <b>Bộ Ngoại giao</b>  |   |          |
| 1.         | Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ; Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.  | Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.   | Tháng 10 |
| <b>VII</b> | <b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>   |   |          |
| 1.         | Cấp ấn phẩm Chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm ; Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES; Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES. | Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.                  | Tháng 10 |
| 2.         | Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.  | Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.   | Tháng 9  |
| 3.         | Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.   | Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự và thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông | Tháng 10 |

|             |   |  |          |
|-------------|---|--|----------|
|             |   | thôn thực hiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.  |          |
| 4.          | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương.  | Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông.  | Tháng 10 |
| 5.          | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.                  | Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.   | Tháng 10 |
| 6.          | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.  | Tháng 10 |
| <b>VIII</b> | <b>Bộ Nội vụ</b>  |  |          |
| 1.          | Chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội; Đổi tên hội; Hội tự giải thể; Phê duyệt điều lệ hội; Thành lập hội; Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý hội;</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số</li> </ul> | Tháng 10 |

|           |  |   |          |
|-----------|--|---|----------|
|           |  | 45/2010/NĐ-CP.  |          |
| 2.        | Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ; Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; Đổi tên quỹ cấp tỉnh; Hợp nhất, sát nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ; Tự giải thể quỹ; Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn.  | Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.  | Tháng 10 |
| <b>IX</b> | <b>Bộ Quốc phòng</b>   |   |          |
| 1.        | Xin cấp phép cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội; Xin thiết lập trang, cổng thông tin điện tử trên Internet.  | Thông tư số 110/2014/TT-BQP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội.  | Tháng 9  |
| 2.        | Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu; Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với đơn vị quân đội không phải là doanh nghiệp phục vụ thi công các công trình quốc phòng, an ninh; Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn; Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn; Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do bị mất hoặc cấp đổi do bị hư hỏng; Điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải | Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng. | Tháng 9  |

|          |   |   |          |
|----------|---|---|----------|
|          | quyết của Bộ Quốc phòng; Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng; Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng; Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng.   |   |          |
| <b>X</b> | <b>Bộ Tài chính</b>   |   |          |
| 1.       | Bổ nhiệm, thay đổi một số chức danh quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; Đề nghị phê chuẩn nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng trong bảo hiểm nhân thọ; Báo cáo năm của cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm; Thông báo trường hợp doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài không có đánh giá xếp hạng tín nhiệm theo quy định; Nộp báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ; Báo cáo về việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh; Báo cáo về việc thay đổi địa điểm kinh doanh; Chấp thuận về nguyên tắc để tăng/giảm mức vốn điều lệ, vốn được cấp. | Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm   | Tháng 10 |
| 2.       | Điều chuyển tài sản là hệ thống điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang ngành điện quản lý.   | Nghị định của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam và bãi bỏ Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư bằng | Tháng 10 |

|    |   |   |          |
|----|---|---|----------|
|    |   | vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý.   |          |
| 3. | Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.  | <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>- Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT- BTC.</p> | Tháng 9  |
| 4. | Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kế toán viên; Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề kế toán (đăng ký lần đầu); Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên (đăng ký lần đầu); Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên (đăng ký thi lại các môn chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi); Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài. | Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên.   | Tháng 9  |
| 5. | Chấp thuận hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán đủ điều kiện tổ chức cập nhật kiến thức; Xin hoãn giờ cập nhật kiến thức đối với kế toán viên hành nghề.   | Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.   | Tháng 9  |
| 6. | Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài.   | Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán.   | Tháng 10 |
| 7. | Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán   | Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của   | Tháng 9  |



|           |   |   |          |
|-----------|---|---|----------|
|           | (Cấp mới); Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (điều chỉnh); Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán. | Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán.   |          |
| 8.        | Thủ tục Đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán.  | Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán   | Tháng 9  |
| 9.        | Đăng ký tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên.  | Thông tư số 150/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán và Thông tư số 56/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 4 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 150/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán | Tháng 9  |
| 10.       | Đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.  | Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng   | Tháng 10 |
| <b>XI</b> | <b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b>   |   |          |
| 1.        | Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài.             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19 năm 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông</li> </ul>  | Tháng 10 |

|    |  |  |          |
|----|--|--|----------|
|    |  | tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP  |          |
| 2. | Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập mạng xã hội; Cấp Quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng; Sửa đổi, bổ sung Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng; Cấp lại Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng.                              | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.  | Tháng 10 |
| 3. | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. | <p>- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung khoản 35 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;</p> <p>- Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.</p> | Tháng 10 |
| 4. | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài nghiệp dư; Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài nghiệp dư; Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS); Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng  | Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.   | Tháng 9  |

tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài nghiệp dư; Cấp lại giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư; Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS); Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS); Cấp lại Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS); Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá; Cấp lại Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá; Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá; Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá; Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ; Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ; Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô

|    |  |  |          |
|----|--|--|----------|
|    | tuyển điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ; Cấp lại Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ; Cho thuê, cho mượn đài nghiệp dư.   |  |          |
| 5. | Cấp Giấy chứng nhận tên định danh; Cấp lại Giấy chứng nhận tên định danh; Gia hạn giấy chứng nhận tên định danh.   | Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.   | Tháng 10 |
| 6. | Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng; Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng; Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng; Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.   | Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.   | Tháng 10 |
| 7. | Cấp lại giấy phép viễn thông (Áp dụng đối với cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, cấp phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa Việt Nam; Không áp dụng đối với cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Thông tư 12/2013/TT-BTTTT. | - Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;<br>- Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.                           | Tháng 10 |
| 8. | Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài; Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài; Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của  | Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản | Tháng 12 |

|            |   |  |          |
|------------|---|--|----------|
|            | Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài; Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài; Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm.   |  |          |
| <b>XII</b> | <b>Bộ Tư pháp</b>   |  |          |
| 1.         | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài trong trường hợp tự chấm dứt hoạt động; Chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành công ty luật nước ngoài tại Việt Nam; Chuyển đổi công ty luật nước ngoài thành công ty luật Việt Nam; Hợp nhất công ty luật nước ngoài; Sáp nhập công ty luật nước ngoài. | Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.   | Tháng 10 |
| 2.         | Công nhận Giấy Chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;</li> <li>- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> </ul> | Tháng 10 |
| 3.         | Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý Văn phòng con nuôi</li> </ul>   | Tháng 10 |

|    |   |  |          |
|----|---|--|----------|
|    |   | nước ngoài tại Việt Nam.   |          |
| 4. | Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi.   | Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.                     | Tháng 10 |
| 5. | Chấm dứt hoạt động theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài; Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài. | Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại. | Tháng 10 |
| 6. | Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại; Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài; Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại   | Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.   | Tháng 10 |

|    |  |  |                 |
|----|--|--|-----------------|
|    | <p>diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài; Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại; Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác; tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.</p> |  |                 |
| 7. | <p>Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên; Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán; Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên; Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.</p>  | <p>Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.</p> | <p>Tháng 10</p> |
| 8. | <p>Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với</p>   | <p>Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và</p>                                  | <p>Tháng 10</p> |

|             |   |   |          |
|-------------|---|---|----------|
|             | cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.  | chứng thực hợp đồng, giao dịch.   |          |
| <b>XIII</b> | <b>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>  |   |          |
| 1.          | Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh); Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh).  | Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh.   | Tháng 10 |
| 2.          | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh); Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh).  | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;<br>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.   | Tháng 10 |
| 3.          | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh); Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh); Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh); Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh). | Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | Tháng 9  |
| 4.          | Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; Gia hạn Giấy  | Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.   | Tháng 10 |



|            |   |   |          |
|------------|---|---|----------|
|            | chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.  |   |          |
| <b>XIV</b> | <b>Bộ Xây dựng</b>  |   |          |
| 1.         | Cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng; Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng. | Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. | Tháng 10 |
| 2.         | Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.   | Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý Nhà ở xã hội.   | Tháng 12 |
| 3.         | Cấp mới Giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.  | Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.  | Tháng 10 |
| <b>XV</b>  | <b>Bộ Y tế</b>  |   |          |
| 1.         | Cấp giấy đăng ký lưu hành dược liệu; Gia hạn giấy đăng ký lưu hành dược liệu; Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành dược liệu (Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành dược liệu có nội dung thay đổi, bổ sung quy định tại Phụ lục II.1 ban hành kèm theo Thông tư  | Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu.  | Tháng 9  |

|    |  |   |                     |
|----|--|---|---------------------|
|    | số 21/2018/TT-BYT).  |   |                     |
| 2. | <p>Cấp phép nhập khẩu dược chất, bán thành phẩm thuốc, dược liệu, bán thành phẩm dược liệu để làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, trừ nguyên liệu phải kiểm soát đặc biệt; Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (Áp dụng với cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc); Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định; Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt để viện trợ, viện trợ nhân đạo; Cấp phép xuất khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc được phép xuất khẩu không cần giấy phép của Bộ Y tế theo quy định tại khoản 5 Điều 60 của Luật dược mà cơ sở có nhu cầu cấp giấy phép xuất khẩu; Cấp phép xuất khẩu thuốc phóng xạ; thuốc và dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc; nguyên liệu độc làm thuốc; Cấp phép nhập khẩu thuốc dùng cho mục đích thử lâm sàng, thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng tại Việt Nam, làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học; Cấp phép nhập khẩu thuốc viện trợ, viện trợ nhân đạo; Cấp phép nhập khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam; Cấp phép nhập khẩu dược liệu không sử dụng làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, tham gia trưng</p> | <p>Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.</p> | <p>Tháng<br/>10</p> |

|    |   |   |          |
|----|---|---|----------|
|    | bày tại triển lãm, hội chợ, sản xuất thuốc xuất khẩu, sản xuất thuốc phục vụ yêu cầu quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa; Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thông qua phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện giới thiệu thuốc; Cấp phép nhập khẩu tá dược, vỏ nang, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc, chất chuẩn.   |   |          |
| 3. | Cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc Generic; Gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Thuộc thay đổi lớn; Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Thuộc thay đổi nhỏ chỉ yêu cầu thông báo cho cơ quan quản lý; Thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc thuộc thay đổi nhỏ cần phê duyệt. | Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.  | Tháng 10 |
| 4. | Cung cấp thuốc phóng xạ.  | Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt. | Tháng 9  |
| 5. | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT.  | Thông tư số 04/2018/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phòng thí nghiệm.  | Tháng 9  |
| 6. | Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm.   | Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm.   | Tháng 9  |
| 7. | Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Viện  | Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-   | Tháng    |

|    |   |  |          |
|----|---|--|----------|
|    | <p>Giám định y khoa Trung ương thực hiện; Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện; Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện; Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện; Khám giám định phúc quyết theo đề nghị của đối tượng khám giám định do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện; Khám giám định phúc quyết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước do Viện Giám định y khoa Trung ương thực hiện.</p> | <p>BLĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh.</p>   | 10       |
| 8. | <p>Khám giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh; Khám giám định phúc quyết theo đề nghị của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế hoặc Cục Người có công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Khám giám định phúc quyết trong trường hợp đối tượng không đồng ý với kết quả khám giám định lần đầu.</p>   | <p>Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.</p> | Tháng 11 |
| 9. | <p>Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh; Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định; Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người</p>   | <p>Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện.</p>  | Tháng 10 |

|     |  |  |          |
|-----|--|--|----------|
|     | khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh; Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định.  |  |          |
| 10. | Khám giám định phúc quyết theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.   | Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.                    | Tháng 10 |
| 11. | Đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động giám sát nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng; Đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động hỗ trợ hành chính nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng; Đăng ký lần đầu đối với tổ chức hỗ trợ nghiên cứu có hoạt động phân tích thống kê và quản lý dữ liệu nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng.  | Thông tư số 08/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động hỗ trợ nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam.  | Tháng 9  |
| 12. | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế; Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo; Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng; | Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. | Tháng 10 |

|                                |   |  |          |
|--------------------------------|---|--|----------|
|                                | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT.   |  |          |
| 13.                            | Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.  | Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.                      | Tháng 11 |
| 14.                            | Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm; Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. | Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.                                     | Tháng 11 |
| <b>XVI Thanh tra Chính phủ</b> |   |  |          |
| 1.                             | Cấp mới Thẻ Thanh tra; Cấp lại Thẻ Thanh tra; Đổi Thẻ Thanh tra.  | Thông tư số 01/2012/TT-TTCP ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định mẫu và việc quản lý, sử dụng Thẻ Thanh tra.   | Tháng 12 |
| <b>XVII Ủy ban Dân tộc</b>     |   |  |          |
| 1.                             | Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.   | Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. | Tháng 10 |

## PHỤ LỤC II

### DANH MỤC CÁC NHÓM QUY ĐỊNH, TTHC TRỌNG TÂM CẦN RÀ SOÁT, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số: 933/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Nhóm quy định, TTHC   | Trách nhiệm    |                                   | Sản phẩm   | Thời hạn hoàn thành |
|-----|---|----------------|-----------------------------------|--|---------------------|
|     |   | Chủ trì        | Phối hợp                          |  |                     |
| 1.  | Quy định, TTHC liên quan đến phòng cháy chữa cháy.  | Bộ Công an     | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. | Tháng 10            |
| 2.  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình. Tiêu chuẩn về Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình. | Bộ Xây dựng    | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC.  | Tháng 9             |
| 3.  | Quy định, TTHC liên quan đến xúc tiến thương mại.   | Bộ Công Thương | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC.  | Tháng 9             |
| 4.  | Quy định, TTHC liên   | Bộ Công        | Bộ, cơ                            | Báo cáo Thủ  | Tháng 9             |

|    |  |  |                                   |   |         |
|----|--|--|-----------------------------------|---|---------|
|    | quan đến hoạt động kinh doanh LPG.   | Thương   | quan, địa phương liên quan        | tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC.             |         |
| 5. | Quy định, TTHC liên quan đến đào tạo, sát hạch cấp Giấy phép lái xe.             | Bộ Giao thông vận tải  | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC. | Tháng 9 |
| 6. | Quy định, TTHC liên quan đến hoạt động vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng. | Bộ Giao thông vận tải  | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC. | Tháng 9 |
| 7. | Quy định, TTHC liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.              | Bộ Khoa học và Công nghệ   | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC. | Tháng 9 |
| 8. | Quy định về báo cáo doanh nghiệp phải thực hiện.                                 | Các bộ, cơ quan ngang bộ có quy định chế độ báo cáo doanh nghiệp | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa chế độ báo cáo. | Tháng 9 |
| 9. | Quy định, TTHC liên quan đến quản lý người lao động, chuyên gia nước ngoài.      | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội                               | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản                     | Tháng 9 |



|     |   |   |                                   |   |         |
|-----|---|---|-----------------------------------|---|---------|
|     |   |   |                                   | hóa quy định, TTHC.   |         |
| 10. | Quy định, TTHC liên quan đến khảo nghiệm, sản xuất kinh doanh phân bón.   | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn              | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC. | Tháng 9 |
| 11. | Quy định, TTHC liên quan đến về khai, nộp, hoàn thuế, miễn, giảm thuế.  | Bộ Tài chính  | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC. | Tháng 9 |
| 12. | Quy định, TTHC liên quan đến lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 23/CT- TTg ngày 09 tháng 7 năm 2023. | Bộ Tư pháp, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC. | Tháng 8 |
| 13. | Quy định, TTHC liên quan đến hoạt động quảng cáo.   | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                     | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát và đề xuất phương án cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC. | Tháng 9 |

### PHỤ LỤC III

#### DANH MỤC CÁC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRỌNG TÂM ƯU TIÊN CẦN RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số: 933/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Lĩnh vực/nhóm quy định, TTHC  | Trách nhiệm  |  | Căn cứ pháp lý  | Thời hạn hoàn thành |
|-----|---|--------------|--|---|---------------------|
|     |   | Chủ trì      | Phối hợp   |   |                     |
| I   | Quản lý ngân sách nhà nước  |              |  |   |                     |
| 1   | Dự phòng ngân sách nhà nước.  | Bộ Tài chính | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan                    | Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành            | Tháng 8             |
| 2   | Quỹ dự trữ tài chính.   |              |  |   |                     |
| II  | Quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan dự trữ nhà nước |              |  |   |                     |
| 1   | Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.   | Bộ Tài chính | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan                    | Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành | Tháng 8             |
| 2   | Giao, thu hồi đất thuộc trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.   | Bộ Tài chính | Bộ Tài nguyên và Môi trường và bộ, cơ quan liên quan |   |                     |
| 3   | Thống kê, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo tài sản công tại cơ quan nhà nước.   | Bộ Tài chính | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan                    |   |                     |
| III | Quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên  |              |  |   |                     |

|    |   |                       |  |   |         |
|----|---|-----------------------|--|---|---------|
| 1  | Sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao.   | Bộ Tài chính          | Bộ Tài nguyên và Môi trường và bộ, cơ quan liên quan | Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành | Tháng 8 |
| 2  | Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng.  |                       |  |   |         |
| IV |   | Quản lý đầu tư công   |  |   |         |
| 1  | Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; dự án quan trọng quốc gia; các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C; dự án đầu tư công tại nước ngoài; dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan                    | Luật Đầu tư công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành                   | Tháng 8 |
| 2  | Thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; dự án quan trọng quốc gia; các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C; dự án đầu tư công tại nước ngoài; dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).            |                       |  |   |         |
| 3  | Thẩm định, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án.  |                       |  |   |         |
| 4  | Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.   |                       |  |   |         |
| 5  | Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn.  |                       |  |   |         |

|   |   |                       |                                   |   |         |
|---|---|-----------------------|-----------------------------------|---|---------|
| 6 | Giám sát đầu tư của cộng đồng.  |                       |                                   |   |         |
| V | <b>Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài</b>   |                       |                                   |   |         |
| 1 | Phê duyệt đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.  |                       |                                   |   |         |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.   |                       |                                   |   |         |
| 3 | Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.  |                       |                                   |   |         |
| 4 | Điều chỉnh chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.   |                       |                                   |   |         |
| 5 | Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.   | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Luật Đầu tư công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành | Tháng 8 |
| 6 | Quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. |                       |                                   |   |         |
| 7 | Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.  |                       |                                   |   |         |

|      |   |           |                                   |   |         |
|------|---|-----------|-----------------------------------|---|---------|
| 8    | Thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại.   |           |                                   |   |         |
| 9    | Điều chỉnh Quyết định chủ trương thực hiện và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án. |           |                                   |   |         |
| VII  | Tổ chức bộ máy  |           |                                   |   |         |
| 1    | Thành lập tổ chức hành chính.   | Bộ Nội vụ | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Nghị định số 158/2018/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính         | Tháng 8 |
| 2    | Tổ chức lại tổ chức hành chính.   |           |                                   |   |         |
| 3    | Giải thể tổ chức hành chính.  |           |                                   |   |         |
| 4    | Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.  | Bộ Nội vụ | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. |         |
| 5    | Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.  |           |                                   |   |         |
| 6    | Giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.   |           |                                   |   |         |
| VIII | Cán bộ, công chức, viên chức  |           |                                   |   |         |
| 1    | Chấm dứt tập sự và bổ nhiệm vào ngạch công chức.  | Bộ Nội vụ | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành         | Tháng 8 |
| 2    | Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức.                                      |           |                                   |   |         |
| 3    | Điều động, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức.  |           |                                   |   |         |
| IX   | Thi đua, khen thưởng  |           |                                   |   |         |

|   |  |           |                                   |  |         |
|---|--|-----------|-----------------------------------|--|---------|
| 1 | Tặng danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cơ sở, chiến sỹ thi đua cấp bộ, chiến sỹ thi đua toàn quốc cho cá nhân cán bộ, công chức, viên chức. | Bộ Nội vụ | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành           | Tháng 8 |
| 2 | Tặng kỷ niệm chương cho cán bộ, công chức, viên chức.  |           |                                   |  |         |
| 3 | Tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Chính phủ.  |           |                                   |  |         |
| 4 | Tặng Bằng khen (thủ trưởng cơ quan, Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ...) cho cán bộ, công chức, viên chức.   |           |                                   |  |         |
| 5 | Tặng Bằng khen (thủ trưởng cơ quan, Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ...) cho tập thể.  |           |                                   |  |         |
| 6 | Khen thưởng bậc cao (huân, huy chương các loại) cho cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan hành chính nhà nước.                                     |           |                                   |  |         |
| X | Tổ chức chính quyền địa phương   |           |                                   |  |         |
| 1 | Phân loại đơn vị hành chính.   | Bộ Nội vụ | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành | Tháng 8 |
| 2 | Thành lập địa giới đơn vị hành chính.  |           |                                   |  |         |
| 3 | Giải thể địa giới đơn vị hành chính.   |           |                                   |  |         |
| 4 | Nhập địa giới đơn vị hành chính.   |           |                                   |  |         |

|      |  |                             |  |  |         |
|------|--|-----------------------------|--|--|---------|
| 5    | Chia địa giới đơn vị hành chính.   |                             |  |  |         |
| 6    | Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.   |                             |  |  |         |
| XI   | Quản lý đất đai  |                             |  |  |         |
| 1    | Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất (cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, đất quốc phòng - an ninh).   | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành  | Tháng 8 |
| 2    | Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.  |                             |  |  |         |
| XII  | Quản lý, điều hành chính sách điện năng  |                             |  |  |         |
| 1    | Thủ tục điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện:<br>- Trường hợp tăng giá bán lẻ điện bình quân từ 5% đến dưới 10% so với giá điện bình quân hiện hành và trong khung giá quy định;<br>- Trường hợp điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân từ 10% trở lên so với giá điện bình quân hiện hành hoặc ngoài khung giá quy định hoặc ảnh hưởng đến tình hình kinh tế vĩ mô. | Bộ Công Thương              | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan  | Luật Điện lực và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành | Tháng 8 |
| 2    | Phê duyệt khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực.   |                             |  |  |         |
| XIII | Giao thông đường bộ  |                             |  |  |         |

|   |   |                       |                                   |   |         |
|---|---|-----------------------|-----------------------------------|---|---------|
| 1 | Quyết định phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ: quốc lộ; đường tỉnh, đường đô thị; đường huyện, đường xã; đường chuyên dùng.  |                       |                                   |   |         |
| 2 | Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư. |                       |                                   |   |         |
| 3 | Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trung ương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ  | Bộ Giao thông vận tải | Bộ, cơ quan, địa phương liên quan | Luật Giao thông đường bộ và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành | Tháng 8 |
| 4 | Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.   |                       |                                   |   |         |
| 5 | Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.  |                       |                                   |   |         |
| 6 | Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.   |                       |                                   |   |         |
| 7 | Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.  |                       |                                   |   |         |



|    |   |  |  |  |
|----|---|--|--|--|
| 8  | Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản. |  |  |  |
| 9  | Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.  |  |  |  |
| 10 | Bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.  |  |  |  |
| 11 | Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.   |  |  |  |
| 12 | Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.         |  |  |  |

1 Theo 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

2 Theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

3 Theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4 Điều 146, Điều 147 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 37 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020).

5 Tên TTHC theo Nghị quyết số 100/NQ-CP năm 2017..... “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

6 Bộ Tư pháp chủ trì đối với Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

7 Nghị định đã bãi bỏ Thông tư số 166/2013/TT-BTC nhưng chưa thực thi phương án đơn giản hóa.